

THÔNG TƯ

Quy định về chế độ và biểu mẫu báo cáo tình hình thực hiện vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002; Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 6/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003 và các Nghị định về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính.

Căn cứ Quyết định số 52/2007/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư nhà nước;

Để tăng cường công tác quản lý tài chính đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước; Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ và biểu mẫu báo cáo tình hình thực hiện vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước, như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Thông tư này quy định về chế độ và biểu mẫu báo cáo tình hình thực hiện vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước, áp dụng cho các cơ quan, đơn vị: Kho bạc Nhà nước, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi tắt là Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố); các đơn vị quản lý tài chính thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (gọi tắt là các cơ quan quản lý tài chính thuộc các Bộ, ngành) để phối hợp báo cáo tình hình thực hiện vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước hàng năm (kể cả vốn điều chỉnh, bổ sung trong năm kế hoạch).

Báo cáo tình hình thanh toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản các dự án thuộc các Bộ, ngành và địa phương (Định kỳ hàng tháng, hàng quý, cả năm) là cơ sở để

cơ quan có thẩm quyền nắm tình hình, phục vụ cho công tác chỉ đạo quản lý, điều hành vốn ngân sách nhà nước theo kế hoạch được giao; đồng thời là cơ sở để thực hiện việc điều hoà, điều chuyển vốn giữa các Bộ, ngành và các địa phương khi có chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

Điều 2. Báo cáo và hướng dẫn chế độ báo cáo tình hình thực hiện vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước quy định tại Thông tư này bao gồm:

1. Báo cáo nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung được Thủ tướng Chính phủ giao hàng năm cho các Bộ, ngành và địa phương, thực hiện trong năm kế hoạch.

2. Báo cáo nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung thuộc kế hoạch năm trước chưa thanh toán hết, được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thanh toán sang năm sau (năm kế hoạch).

3. Báo cáo nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung ứng trước dự toán ngân sách năm sau thực hiện trong năm kế hoạch.

4. Báo cáo nguồn vốn do địa phương huy động theo khoản 3, Điều 8 của Luật Ngân sách nhà nước; vốn tạm ứng từ nguồn vốn tồn ngân Kho bạc Nhà nước theo quy định để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ bản trong năm kế hoạch.

5. Báo cáo nguồn vốn bổ sung cho các dự án từ các nguồn vốn hợp pháp khác (ngoài các nguồn vốn trên).

6. Báo cáo nguồn vốn trái phiếu Chính phủ được Thủ tướng Chính phủ giao hàng năm cho các Bộ, ngành và địa phương bố trí cho các dự án thuộc danh mục dự án tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thực hiện trong năm kế hoạch.

7. Báo cáo nguồn vốn trái phiếu Chính phủ bố trí cho các dự án thuộc danh mục dự án tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ thuộc kế hoạch năm trước chưa thanh toán hết, được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thanh toán sang năm sau.

8. Báo cáo nguồn vốn trái phiếu Chính phủ ứng trước kế hoạch năm sau tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ thực hiện trong năm kế hoạch.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Quy định cơ quan tổng hợp báo cáo và thời gian báo cáo:

1. **Sở Tài chính:** Tổng hợp báo cáo chỉ tiêu giao kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung, vốn trái phiếu Chính phủ; tình hình nợ xây dựng cơ bản, dự án hoàn thành, tình hình thực hiện các nguồn vốn đầu tư trên địa bàn và kết

quả thực hiện các dự án gửi các cơ quan, đơn vị theo các Biểu mẫu sau:

1.1. Biểu số 01-TC: Kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung:

a) *Cơ quan nhận báo cáo:* Bộ Tài chính (Vụ Đầu tư, Vụ Ngân sách nhà nước), Kho bạc Nhà nước, Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố.

b) *Thời gian báo cáo:* Trước ngày 20 tháng 01 năm kế hoạch; trường hợp trong năm kế hoạch địa phương có điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản, Sở Tài chính tổng hợp kế hoạch điều chỉnh gửi các cơ quan, đơn vị theo Biểu mẫu trên sau 15 ngày kể từ ngày có Quyết định của cấp có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn.

1.2. Biểu số 02-TC: Kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ:

a) *Cơ quan nhận báo cáo:* Bộ Tài chính (Vụ Đầu tư, Vụ Ngân sách nhà nước), Kho bạc Nhà nước, Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố.

b) *Thời gian báo cáo:* Sau 20 ngày kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định giao kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ cho các địa phương; trường hợp trong năm kế hoạch, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định bổ sung kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ cho các địa phương, Sở Tài chính tổng hợp kế hoạch phân bổ vốn bổ sung của địa phương gửi các cơ quan, đơn vị theo Biểu mẫu trên sau 15 ngày kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ có Quyết định bổ sung kế hoạch vốn.

1.3. Biểu số 03-TC: Báo cáo tình hình thực hiện thanh toán các nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản:

a) *Cơ quan nhận báo cáo:* Bộ Tài chính (Vụ Đầu tư, Vụ Ngân sách nhà nước).

b) *Thời gian báo cáo:* Báo cáo 6 tháng gửi trước ngày 25 tháng 5 của năm kế hoạch; báo cáo năm gửi trước ngày 25 tháng 11 của năm kế hoạch.

1.4. Biểu số 04-TC: Báo cáo kết quả thực hiện các dự án hoàn thành trong năm kế hoạch:

a) *Cơ quan nhận báo cáo:* Bộ Tài chính (Vụ Đầu tư, Vụ Ngân sách nhà nước).

b) *Thời gian báo cáo:* Trước ngày 01 tháng 4 năm sau năm kế hoạch (sau thời gian thực hiện quyết toán năm theo quy định).

1.5. Biểu số 05-TC: Báo cáo tình hình nợ vốn đầu tư xây dựng cơ bản các dự án hoàn thành:

a) *Cơ quan nhận báo cáo:* Bộ Tài chính (Vụ Đầu tư, Vụ Ngân sách nhà nước).

b) *Thời gian báo cáo:* Trước ngày 01 tháng 4 năm sau năm kế hoạch (sau thời gian thực hiện quyết toán năm theo quy định).

2. Cơ quan tài chính thuộc Bộ, ngành: Tổng hợp báo cáo các nội dung quy định tại các Biểu số 04-TC, Biểu số 05-TC gửi Bộ Tài chính (Vụ Đầu tư, Vụ

Ngân sách nhà nước).

3. Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố: Tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch, thanh toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung, vốn trái phiếu Chính phủ của các dự án trên địa bàn tỉnh, thành phố gửi các cơ quan, đơn vị theo các Biểu mẫu sau:

3.1. Biểu số 06 - KBT: Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch, thanh toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung:

a) *Cơ quan nhận báo cáo:* Kho bạc Nhà nước, Sở Tài chính.

b) *Thời gian báo cáo:* Định kỳ hàng tháng, hàng quý và cả năm.

- Hàng tháng, hàng quý: Trước ngày 05 tháng sau.

- Báo cáo năm: 12 tháng báo cáo trước ngày 10 tháng 01 năm sau năm kế hoạch; 13 tháng báo cáo trước ngày 15 tháng 02 năm sau năm kế hoạch.

c) *Hàng quý (luỹ kế thanh toán theo thời gian 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, 12 tháng) và 13 tháng:* Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố tổng hợp số vốn thanh toán chi tiết cho từng dự án theo từng nguồn vốn. Hàng tháng chỉ báo cáo tổng số theo từng nguồn vốn của từng cấp ngân sách.

3.2. Biểu số 07 - KBT: Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch, thanh toán vốn trái phiếu Chính phủ:

a) *Cơ quan nhận báo cáo:* Kho bạc Nhà nước, Sở Tài chính.

b) *Thời gian báo cáo:* Định kỳ hàng tháng, hàng quý và cả năm.

- Hàng tháng, hàng quý: Trước ngày 05 tháng sau.

- Báo cáo năm: 12 tháng báo cáo trước ngày 10 tháng 01 năm sau năm kế hoạch; 13 tháng báo cáo trước ngày 15 tháng 02 năm sau năm kế hoạch.

c) *Hàng quý (luỹ kế thanh toán theo thời gian 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, 12 tháng) và 13 tháng:* Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố tổng hợp số vốn thanh toán chi tiết cho từng dự án theo ngành, lĩnh vực. Hàng tháng chỉ báo cáo tổng số vốn theo ngành, lĩnh vực của từng Bộ, ngành, địa phương.

3.3. Biểu số 08 - KBT: Báo cáo tình hình thực hiện thanh toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung thuộc kế hoạch năm trước được phép kéo dài sang năm sau:

a) *Cơ quan nhận báo cáo:* Kho bạc Nhà nước, Sở Tài chính.

b) *Thời gian báo cáo:* Định kỳ hàng tháng, hàng quý và cả năm.

- Hàng tháng, hàng quý: Trước ngày 05 tháng sau.

- Báo cáo năm: 12 tháng báo cáo trước ngày 10 tháng 01 năm sau năm kế hoạch; 13 tháng báo cáo trước ngày 15 tháng 02 năm sau năm kế hoạch.

c) *Hàng quý (luỹ kế thanh toán theo thời gian 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, 12 tháng) và 13 tháng:* Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố tổng hợp số vốn thanh

toán chi tiết cho từng dự án. Hàng tháng chỉ báo cáo tổng số vốn đã thanh toán theo Bộ, ngành, địa phương.

3.4. Biểu số 09 - KBT: Báo cáo tình hình thanh toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung ứng trước dự toán ngân sách năm sau thực hiện trong năm kế hoạch:

a) *Cơ quan nhận báo cáo:* Kho bạc Nhà nước, Sở Tài chính.

b) *Thời gian báo cáo:* Định kỳ hàng tháng, hàng quý và cả năm.

- Hàng tháng, hàng quý: Trước ngày 05 tháng sau.

- Báo cáo năm: 12 tháng báo cáo trước ngày 10 tháng 01 năm sau năm kế hoạch; 13 tháng báo cáo trước ngày 15 tháng 02 năm sau năm kế hoạch.

c) *Hàng quý (lũy kế thanh toán theo thời gian 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, 12 tháng) và 13 tháng:* Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố tổng hợp số vốn thanh toán chi tiết cho từng dự án. Hàng tháng chỉ báo cáo tổng số vốn đã thanh toán theo Bộ, ngành, địa phương.

3.5. Biểu số 10 - KBT: Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch, thanh toán vốn huy động theo khoản 3 Điều 8 Luật Ngân sách Nhà nước, vốn tạm ứng tồn ngân Kho bạc Nhà nước thực hiện trong năm kế hoạch:

a) *Cơ quan nhận báo cáo:* Kho bạc Nhà nước, Sở Tài chính.

b) *Thời gian báo cáo:* Định kỳ hàng tháng, hàng quý và cả năm.

- Hàng tháng, hàng quý: Trước ngày 05 tháng sau.

- Báo cáo năm: 12 tháng báo cáo trước ngày 10 tháng 01 năm sau năm kế hoạch; 13 tháng báo cáo trước ngày 15 tháng 02 năm sau năm kế hoạch.

c) *Hàng quý (lũy kế thanh toán theo thời gian 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, 12 tháng) và 13 tháng:* Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố tổng hợp số vốn thanh toán chi tiết cho từng dự án theo từng nguồn vốn. Hàng tháng chỉ báo cáo tổng số vốn đã thanh toán theo từng nguồn vốn của Bộ, ngành, địa phương.

3.6. Biểu số 11 - KBT: Báo cáo nhanh tình hình thực hiện kế hoạch, thanh toán các nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản:

a) *Cơ quan nhận báo cáo:* Kho bạc Nhà nước, Sở Tài chính.

b) *Thời gian báo cáo:* Định kỳ trước ngày 20 hàng tháng.

4. Kho bạc Nhà nước: Tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch, thanh toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung, vốn trái phiếu Chính phủ của các Bộ, ngành và địa phương theo các Biểu mẫu gửi các cơ quan, đơn vị sau:

4.1. Biểu số 12 - KBNN: Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch, thanh toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung:

a) *Cơ quan nhận báo cáo:* Bộ Tài chính (Vụ Đầu tư, Vụ Ngân sách nhà nước).

b) *Thời gian báo cáo:* Định kỳ hàng tháng, hàng quý và cả năm.

- Hàng tháng, hàng quý: Trước ngày 15 tháng sau.

- Báo cáo năm: 12 tháng báo cáo trước ngày 20 tháng 01 năm sau năm kế hoạch; 13 tháng báo cáo trước ngày 25 tháng 02 năm sau năm kế hoạch.

c) *Hàng quý (luỹ kế thanh toán theo thời gian 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, 12 tháng) và 13 tháng*: Kho bạc Nhà nước tổng hợp số vốn thanh toán chi tiết cho từng dự án theo từng nguồn vốn của Bộ, ngành. Hàng tháng chỉ báo cáo tổng số theo từng nguồn vốn của các cấp ngân sách.

4.2. Biểu số 13 - KBNN: Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch, thanh toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung dự án nhóm A, dự án trọng điểm quốc gia:

a) *Cơ quan nhận báo cáo*: Bộ Tài chính (Vụ Đầu tư, Vụ Ngân sách nhà nước).

b) *Thời gian báo cáo*: Định kỳ hàng tháng, hàng quý và cả năm.

- Hàng tháng, hàng quý: Trước ngày 15 tháng sau.

- Báo cáo năm: 12 tháng báo cáo trước ngày 20 tháng 01 năm sau năm kế hoạch; 13 tháng báo cáo trước ngày 25 tháng 02 năm sau năm kế hoạch.

c) *Hàng quý (luỹ kế thanh toán theo thời gian 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, 12 tháng) và 13 tháng*: Kho bạc Nhà nước tổng hợp số vốn thanh toán chi tiết cho từng dự án theo ngành, lĩnh vực. Hàng tháng chỉ báo cáo tổng số dự án theo ngành, lĩnh vực của Bộ, ngành, địa phương.

4.3. Biểu số 14 - KBNN: Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch, thanh toán vốn trái phiếu Chính phủ:

a) *Cơ quan nhận báo cáo*: Bộ Tài chính (Vụ Đầu tư, Vụ Ngân sách nhà nước).

b) *Thời gian báo cáo*: Định kỳ hàng tháng, hàng quý và cả năm.

- Hàng tháng, hàng quý: Trước ngày 15 tháng sau.

- Báo cáo năm: 12 tháng báo cáo trước ngày 20 tháng 01 năm sau năm kế hoạch; 13 tháng báo cáo trước ngày 25 tháng 02 năm sau năm kế hoạch.

c) *Hàng quý (luỹ kế thanh toán theo thời gian 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, 12 tháng) và 13 tháng*: Kho bạc Nhà nước tổng hợp số vốn thanh toán chi tiết cho từng dự án theo ngành, lĩnh vực. Hàng tháng chỉ báo cáo tổng số vốn theo ngành, lĩnh vực của từng Bộ, ngành, địa phương.

4.4. Biểu số 15 - KBNN: Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch, thanh toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung năm trước được phép kéo dài sang năm sau, vốn ứng trước dự toán ngân sách năm sau, vốn huy động theo khoản 3 Điều 8 Luật Ngân sách nhà nước, vốn tạm ứng tồn ngân Kho bạc Nhà nước cho đầu tư xây dựng cơ bản (nếu có):

a) *Cơ quan nhận báo cáo*: Bộ Tài chính (Vụ Đầu tư, Vụ Ngân sách nhà nước).

b) *Thời gian báo cáo*: Định kỳ hàng tháng, hàng quý và cả năm.

- Hàng tháng, hàng quý: Trước ngày 15 tháng sau.

- Báo cáo năm: 12 tháng báo cáo trước ngày 20 tháng 01 năm sau năm kế hoạch; 13 tháng báo cáo trước ngày 25 tháng 02 năm sau năm kế hoạch.

c) *Hàng quý (lũy kế thanh toán theo thời gian 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, 12 tháng) và 13 tháng*: Kho bạc Nhà nước tổng hợp số vốn thanh toán chi tiết cho từng dự án theo nguồn vốn của Bộ, ngành. Hàng tháng chỉ báo cáo tổng số vốn đã thanh toán theo nguồn vốn của Bộ, ngành, địa phương.

4.5. Biểu số 16 - TT: Báo cáo nhanh tình hình thực hiện kế hoạch, thanh toán các nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản:

a) *Cơ quan nhận báo cáo*: Bộ Tài chính (Vụ Đầu tư, Vụ Ngân sách nhà nước).

b) *Thời gian báo cáo*: Định kỳ trước ngày 25 hàng tháng.

Điều 4. Quy định nội dung thuyết minh báo cáo:

1. Trên cơ sở số liệu tổng hợp tình hình thực hiện, thanh toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Bộ, ngành, địa phương (Định kỳ hàng tháng, hàng quý, cả năm); Kho bạc Nhà nước các cấp có thuyết minh đánh giá tình hình thực hiện thanh toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản kèm theo Biểu tổng hợp báo cáo. Nội dung thuyết minh báo cáo gồm:

- Trình bày tóm tắt tình hình thực hiện, thanh toán kế hoạch vốn đầu tư được giao.

- Đánh giá, phân tích các tồn tại, vướng mắc về giải ngân, về thực hiện tiến độ được duyệt, nêu cụ thể các dự án có tồn tại lớn.

- Đề xuất kiến nghị giải quyết để phục vụ cho điều hành vốn ngân sách nhà nước theo kế hoạch được giao.

2. Sở Tài chính, cơ quan quản lý tài chính thuộc Bộ, ngành căn cứ vào những nội dung thuộc trách nhiệm tổng hợp báo cáo, có báo cáo thuyết minh đánh giá về hiệu quả đầu tư mang lại từ việc bố trí các nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, tình hình nợ xây dựng cơ bản; nêu rõ những thuận lợi, khó khăn vướng mắc, nguyên nhân, giải pháp thực hiện và kiến nghị với các cơ quan của địa phương, Bộ, ngành Trung ương tháo gỡ những vướng mắc để đẩy nhanh việc thanh toán vốn đầu tư, phục vụ cho công tác điều hành kế hoạch vốn của Bộ, ngành và địa phương.

Điều 5. Nội dung lập Biểu mẫu báo cáo: Kho bạc Nhà nước, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố, cơ quan Tài chính thuộc các Bộ, ngành thực hiện lập Biểu mẫu báo cáo theo các chỉ tiêu và nội dung ghi chú tại các Biểu mẫu kèm theo Thông tư này.

Điều 6. Chế độ báo cáo và hình thức báo cáo:

1. **Báo cáo theo định kỳ**: Kho bạc Nhà nước, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố, cơ quan Tài chính thuộc các Bộ, ngành có trách nhiệm tổng hợp báo cáo các cơ quan, đơn vị theo đúng thời gian và các nội dung báo cáo quy

định tại Điều 3, Điều 4, Điều 5 của Thông tư này.

2. Báo cáo nhanh: Ngoài việc thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quy định tại khoản 1 Điều này, Kho bạc Nhà nước và Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố thực hiện chế độ báo cáo nhanh tình hình thực hiện kế hoạch, thanh toán các nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản về Bộ Tài chính (Vụ Đầu tư, Vụ Ngân sách nhà nước) và Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền kịp thời chỉ đạo, điều hành ngân sách, giải quyết vướng mắc, xử lý các sai phạm (nếu có) của các Bộ, ngành, địa phương.

3. Hình thức báo cáo: Báo cáo của các cơ quan, đơn vị liên quan quy định tại Thông tư này được gửi theo đường bưu điện (đối với bản có dấu) đồng thời gửi qua thư điện tử về Bộ Tài chính (Vụ Đầu tư, Vụ Ngân sách nhà nước) theo địa chỉ: **dautu@mof.gov.vn hoặc ngansachnhanuoc@mof.gov.vn** và gửi về Kho bạc Nhà nước theo Chương trình phần mềm kiểm soát thanh toán vốn đầu tư thuộc Hệ thống Kho bạc Nhà nước hoặc hộp thư điện tử do Kho bạc Nhà nước cung cấp.

Điều 7. Trách nhiệm của các cơ quan trong quá trình thực hiện:

1. Trách nhiệm của Sở Tài chính tỉnh, thành phố:

- Chủ trì phối hợp với Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố ban hành hệ thống Biểu mẫu, hướng dẫn chế độ báo cáo tình hình thực hiện vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước hàng năm giao cho các cơ quan của địa phương để phục vụ công tác tổng hợp báo cáo theo quy định.

- Tổng hợp báo cáo phân bổ kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung, kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ, tình hình thực hiện thanh toán các nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản, kết quả thực hiện các dự án hoàn thành trong năm kế hoạch, tình hình nợ vốn đầu tư xây dựng cơ bản các dự án hoàn thành của địa phương theo các Biểu mẫu quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này. Chịu trách nhiệm về tính chính xác số liệu và thời gian báo cáo.

- Yêu cầu Kho bạc Nhà nước, chủ đầu tư cung cấp số liệu phục vụ cho công tác tổng hợp báo cáo theo quy định, đề nghị đơn vị giải trình về số liệu báo cáo nếu phát hiện có sự chênh lệch số liệu hoặc giải trình nguyên nhân chậm báo cáo; đồng thời báo cáo chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố để chỉ đạo xử lý những vướng mắc trong tổ chức thực hiện.

- Chủ trì phối hợp Kho bạc nhà nước và các cơ quan chức năng của tỉnh, thành phố kiểm tra các chủ đầu tư về việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước, vốn tạm ứng theo chế độ; kịp thời tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố những giải pháp thúc đẩy tiến độ giải ngân vốn đầu tư của các dự án và biện pháp xử lý những sai phạm trong việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư, vốn tạm ứng theo chế độ (nếu có).

2. Trách nhiệm của cơ quan quản lý tài chính thuộc các Bộ, ngành Trung ương:

- Tổng hợp báo cáo kế hoạch phân bổ vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung, vốn trái phiếu Chính phủ cho các dự án thuộc Bộ, ngành quản lý gửi Bộ Tài chính, Kho bạc Nhà nước theo quy định hiện hành.

- Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện các dự án hoàn thành, tình hình nợ vốn đầu tư xây dựng cơ bản các dự án hoàn thành trong năm kế hoạch thuộc Bộ, ngành quản lý theo các Biểu mẫu quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này. Chịu trách nhiệm về tính chính xác số liệu và thời gian báo cáo.

- Tham mưu cho Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ những biện pháp thúc đẩy tiến độ giải ngân vốn đầu tư của các dự án và biện pháp xử lý những sai phạm của chủ đầu tư trong việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư, vốn tạm ứng theo chế độ (nếu có).

3. Trách nhiệm của Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố:

- Tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch, thanh toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung, vốn trái phiếu Chính phủ và các nguồn vốn khác của các dự án trên địa bàn tỉnh, thành phố theo các Biểu mẫu quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư này. Chịu trách nhiệm về tính chính xác số liệu và thời gian báo cáo.

- Thường xuyên phối hợp với Sở Tài chính kiểm tra các chủ đầu tư về tình hình thanh toán vốn, quản lý, sử dụng vốn ứng theo chế độ.

4. Trách nhiệm của Kho bạc Nhà nước:

- Tổng hợp tình hình thực hiện kế hoạch, thanh toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung, vốn trái phiếu Chính phủ và các nguồn vốn khác theo các Biểu mẫu quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư này.

- Chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Tài chính về số liệu tổng hợp, báo cáo tình hình thanh toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung vốn trái phiếu Chính phủ của các Bộ, ngành và địa phương.

5. Trách nhiệm của Bộ Tài chính:

- Phân tích đánh giá kết quả thực hiện thanh toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung, vốn trái phiếu Chính phủ, tình hình nợ xây dựng cơ bản, kết quả thực hiện các dự án của các Bộ, ngành, địa phương; căn cứ theo thẩm quyền được giao hoặc tham mưu cho Thủ tướng Chính phủ kịp thời chỉ đạo, tháo gỡ những khó khăn vướng mắc cho các Bộ, ngành, địa phương để phục vụ tốt công tác chỉ đạo điều hành ngân sách hàng năm.

- Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát tình hình quản lý, thanh toán các nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước tại các Bộ, ngành, địa phương, các chủ đầu tư để có những giải pháp đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư của các dự án và biện pháp xử lý những sai phạm trong việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư, vốn tạm ứng theo chế độ (nếu có).

Điều 8. Tổ chức thực hiện.

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1869/QĐ-BTC ngày 06/6/2005 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính về

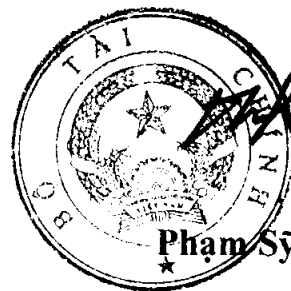
việc ban hành Quy chế thông tin báo cáo về vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước trong nội bộ ngành tài chính.

2. Trong quá trình thực hiện Thông tư này nếu có vướng mắc, đề nghị gửi ý kiến về Bộ Tài chính để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW.
- Văn phòng TW Đảng.
- Văn phòng Quốc hội.
- Văn phòng Chủ tịch nước.
- Văn phòng Chính phủ.
- Tòa án nhân dân tối cao.
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Ủy ban giám sát Tài chính;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Sở Tài chính, KBNN các tỉnh, thành phố trực thuộc TW.
- Công báo.
- Lưu: VT, Vụ Đầu tư.

**KT.BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Phạm Sỹ Danh

Biểu số 01 - TC: Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2011/TT-BTC ngày 21 tháng 4 năm 2011.

Ngày nhận báo cáo: Trước ngày 20 tháng 01 năm kế hoạch

Đơn vị báo cáo: Sở Tài chính

Đơn vị nhận báo cáo:

- Bộ Tài chính (Vụ Đầu tư, Vụ NSNN)
- Kho bạc Nhà nước.
- KBNN tỉnh, thành phố.

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ XDCB TẬP TRUNG NĂM CỦA TỈNH, THÀNH PHỐ

I- Kế hoạch vốn Thủ tướng Chính phủ giao:

Tổng số (1+2+3+4):..... triệu đồng.

1- Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương:..... triệu đồng.

Trong đó, vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất:..... triệu đồng.

2- Nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương:..... triệu đồng.

Trong đó: - *Vốn các chương trình mục tiêu Quốc gia:..... triệu đồng.*

- Chương trình 135 (nếu có):..... triệu đồng.

- Trồng mới 5 triệu ha rừng (nếu có):..... triệu đồng.

- Hỗ trợ theo mục tiêu khác:..... triệu đồng.

3- Nguồn vốn ngoài nước:..... triệu đồng.

4-.....

II- Kế hoạch vốn Địa phương giao:

Đơn vị: Triệu đồng

| STT | Mã dự án | Nội dung | Dự án nhóm (A,B,C) | Thời gian KC-HT | Tổng mức đầu tư | Vốn đã TT từ KC đến hết KH năm trước | Kế hoạch vốn đầu tư năm.... |
|-----|----------|---|--------------------|-----------------|-----------------|--------------------------------------|-----------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| | | Tổng số (I+II+III) | | | | | |
| 1 | | - Nguồn vốn cân đối NSNN, vốn ngoài nước. trong đó: + <i>Vốn trong cân đối NSNN.</i> + <i>Vốn ngoài nước (ODA).</i> | | | | | |
| 2 | | - Nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu. | | | | | |
| 3 | | - Nguồn vốn khác (nếu có). | | | | | |
| I | | Nguồn vốn cân đối NSNN, vốn ngoài nước: Tổng số (1+2+3). | | | | | |
| 1 | | Ngân sách tỉnh - <i>Vốn trong cân đối NSNN.</i> - <i>Vốn ngoài nước (nếu có).</i> | | | | | |
| 1.1 | | Dự án..... - <i>Vốn trong cân đối NSNN.</i> | | | | | |

1/2

| | | | | | | | |
|-----|--|---|--|--|--|--|--|
| | | - Vốn ngoài nước (nếu có). | | | | | |
| 1.2 | | Dự án..... | | | | | |
| 2 | | Ngân sách huyện - Vốn trong cân đối NSNN. - Vốn ngoài nước (nếu có). | | | | | |
| 3 | | Ngân sách xã - Vốn trong cân đối NSNN. - Vốn ngoài nước (nếu có). | | | | | |
| II | | Nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu: Tổng số (1+2+...). | | | | | |
| 1 | | Chương trình..... - Dự án..... | | | | | |
| 2 | | Chương trình..... - Dự án..... | | | | | |
| III | | Nguồn vốn khác (nếu có): Tổng số (1+2+...): | | | | | |
| 1 | | - Nguồn ... | | | | | |
| 2 | | - Nguồn ... | | | | | |
| | | | | | | | |

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH
(Ký, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) **Mẫu biểu** này dùng cho cả kế hoạch điều chỉnh, bổ sung trong năm (nếu có).
- (2) **Mã dự án (cột 2):** Là mã số được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho từng dự án theo quy định.
- (3) **Dự án nhóm A, B, C (Cột 4):** Dự án thuộc nhóm nào ghi nhóm đó.
- (4) **Kế hoạch vốn đầu tư (Cột 8):** Là chỉ tiêu kế hoạch vốn do địa phương giao thực hiện phân bổ cho các dự án đầu tư thuộc địa phương quản lý (bao gồm cả vốn bổ sung từ nguồn khác ngoài nguồn vốn cân đối ngân sách, nguồn vốn chương trình mục tiêu, nguồn vốn ngoài nước).
- (5) **Nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu:** Là nguồn vốn do Ngân sách cấp trên hỗ trợ cho ngân sách cấp dưới để thực hiện các dự án theo các chương trình như: chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình 135, dự án 5 triệu ha rừng, chương trình quản lý biên giới, thực hiện Nghị quyết số 37, 39, 54, Quyết định 168, 173; chương trình biển đông hải đảo; các chương trình có mục tiêu khác, vốn ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ mục tiêu cho ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã....
- (6) **Nguồn vốn khác (nếu có):** Bao gồm các nguồn vốn bổ sung ngoài nguồn vốn cân đối ngân sách nhà nước, nguồn vốn CTMT, nguồn vốn ngoài nước.

Biểu số 02- TC: Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2011/TT-BTC ngày 21 tháng 4 năm 2011.

Ngày nhận báo cáo: Sau khi Chính phủ giao kế hoạch vốn TPCP cho địa phương 20 ngày.

Đơn vị báo cáo: Sở Tài chính

Đơn vị nhận báo cáo:

- Bộ Tài chính (Vụ Đầu tư, Vụ NSNN)
- Kho bạc Nhà nước.
- KBNN tỉnh, thành phố.

KẾ HOẠCH VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ NĂM CỦA TỈNH, THÀNH PHỐ.....

I- Kế hoạch vốn TPCP Thủ tướng Chính phủ giao:

Tổng số (1+2+3+4+5+6):..... triệu đồng.

1- Các dự án Giao thông:..... triệu đồng, bố trí cho..... dự án.

2- Các dự án Thủy lợi:..... triệu đồng, bố trí cho..... dự án.

3- Các dự án Y tế (Bệnh viện tuyến tỉnh, huyện, phòng khám đa khoa khu vực):..... triệu đồng.

4- Các dự án Giáo dục (kiên cố hoá trường lớp học, nhà công vụ):..... triệu đồng.

5- Các dự án Đào tạo (nhà ở sinh viên):..... triệu đồng.

6-.....

II- Kế hoạch vốn TPCP Địa phương phân bổ:

Đơn vị: Triệu đồng

| STT | Mã dự án | Nội dung | Dự án nhóm (A,B,C) | Thời gian KC-HT | Tổng mức đầu tư | | Vốn TPCP đã bố trí đến hết KH năm trước | Kế hoạch vốn TPCP năm... |
|-----|----------|--|--------------------|-----------------|-----------------|--------------------|---|--------------------------|
| | | | | | Tổng số | Trong đó: Vốn TPCP | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 |
| | | Tổng số (1+2+3+4+5+...): | | | | | | |
| 1 | | Dự án giao thông | | | | | | |
| | | Dự án... | | | | | | |
| | | Dự án... | | | | | | |
| 2 | | Dự án Thủy lợi | | | | | | |
| | | Dự án... | | | | | | |
| | | Dự án... | | | | | | |
| 3 | | Dự án Y tế (Bệnh viện tuyến tỉnh, huyện, phòng khám đa khoa khu vực...) | | | | | | |
| | | Dự án... | | | | | | |
| | | Dự án... | | | | | | |
| 4 | | Dự án Giáo dục (kiên cố hoá trường lớp học, nhà công vụ). | | | | | | |
| | | Dự án... | | | | | | |

| | | | | | | | | |
|---|--|---------------------------------|--|--|--|--|--|--|
| | | Dự án... | | | | | | |
| 5 | | Dự án Đào tạo (nhà ở sinh viên) | | | | | | |
| | | Dự án... | | | | | | |
| | | Dự án... | | | | | | |
| 6 | | | | | | | | |

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH
(Ký, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) **Mẫu biểu này** dùng cho cả kế hoạch điều chỉnh, bổ sung trong năm (nếu có).
- (2) **Mã dự án (cột 2):** Là mã số được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho từng dự án theo quy định.
- (3) **Dự án nhóm A, B, C (Cột 4):** Dự án thuộc nhóm nào ghi nhóm đó.
- (4) **Kế hoạch vốn TPCP (Cột 9):** Là chỉ tiêu kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ do địa phương phân bổ cho các dự án thuộc danh mục sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Biểu số 03-TC: Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2011/TT-BTC ngày 21 tháng 4 năm 2011.

Đơn vị báo cáo: Sở Tài chính

Ngày nhận báo cáo:

Đơn vị nhận báo cáo:

- Bộ Tài chính (Vụ Đầu tư, Vụ NSNN).

- Sáu (06) tháng: Trước ngày 25 tháng 05 của năm kế hoạch.

- Năm: Trước ngày 25 tháng 11 của năm kế hoạch.

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THANH TOÁN CÁC NGUỒN
VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM..... CỦA TỈNH, THÀNH PHỐ.....
(ĐỊNH KỲ 06 THÁNG, CẢ NĂM)**

Đơn vị: Triệu đồng

| STT | Nội dung | Kế hoạch vốn đầu tư địa phương giao | | | Vốn đầu tư đã thanh toán từ đầu năm đến tháng báo cáo | Ước số vốn thanh toán từ đầu năm đến tháng..... năm..... | Tỷ lệ (%) |
|------------|---|-------------------------------------|-----------------|---|---|--|-----------|
| | | Tổng số | Trong đó | | | | |
| | | | KH giao đầu năm | KH điều chỉnh, bổ sung trong năm (nếu có) | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8=(7/3) |
| A | Vốn XDCB tập trung: | | | | | | |
| 1 | Nguồn vốn cân đối, vốn ngoài nước: | | | | | | |
| | - Vốn trong cân đối NSNN | | | | | | |
| | - Vốn ngoài nước (ODA) | | | | | | |
| 2 | Nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu: | | | | | | |
| 3 | Nguồn vốn khác (nếu có): | | | | | | |
| I | Nguồn vốn cân đối, vốn ngoài nước: | | | | | | |
| 1 | Ngân sách tỉnh. - Vốn trong cân đối NSNN. - Vốn ngoài nước (nếu có) | | | | | | |
| 2 | Ngân sách huyện. - Vốn trong cân đối NSNN. - Vốn ngoài nước (nếu có) | | | | | | |
| 3 | Ngân sách xã. - Vốn trong cân đối NSNN. - Vốn ngoài nước (nếu có) | | | | | | |
| II | Nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu: | | | | | | |
| | Chương trình... | | | | | | |
| | Chương trình... | | | | | | |
| III | Nguồn vốn khác (nếu có): | | | | | | |

| | | | | | | | |
|----------|--|--|--|--|--|--|--|
| | Nguồn..... | | | | | | |
| | Nguồn | | | | | | |
| B | Vốn kéo dài năm trước chuyển sang (nếu có) | | | | | | |
| C | Vốn ứng trước kế hoạch năm sau (nếu có) | | | | | | |
| D | Vốn huy động theo khoản 3 Điều 8 (nếu có) | | | | | | |
| E | Vốn tạm ứng tồn ngân KBNN (nếu có) | | | | | | |
| F | Vốn Trái phiếu Chính Phủ | | | | | | |
| 1 | Dự án giao thông | | | | | | |
| 2 | Dự án Thủy lợi | | | | | | |
| 3 | Dự án Y tế (Bệnh viện tuyến tỉnh, huyện, phòng khám đa khoa khu vực) | | | | | | |
| 4 | Dự án Giáo dục (Kiên cố hoá trường lớp học, nhà công vụ) | | | | | | |
| 5 | Dự án Đào tạo (nhà ở Sinh viên) | | | | | | |
| 6 | | | | | | | |

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH
(Ký, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Định kỳ 06 tháng, 13 tháng Sở Tài chính báo cáo Bộ Tài chính (Vụ Đầu tư, Vụ NSNN) về tình thực hiện các nguồn vốn đầu tư theo các chỉ tiêu tại Biểu mẫu này.

(2) Thời gian báo cáo:

- **Báo cáo thực hiện 06 tháng đầu năm:** Sở Tài chính báo cáo Bộ Tài chính tình hình thực hiện thanh toán vốn đầu tư từ đầu năm đến hết tháng 4 năm kế hoạch và ước thực hiện thanh toán đến hết tháng 6 năm kế hoạch.

- **Báo cáo thực hiện 13 tháng:** Sở Tài chính báo cáo Bộ Tài chính tình hình thực hiện thanh toán vốn đầu tư từ đầu năm đến hết tháng 10 năm kế hoạch và ước thực hiện thanh toán 13 tháng (đến hết 31/01 năm sau).

(3) Ngoài việc tổng hợp báo tình hình thực hiện thanh toán các nguồn vốn đầu tư của địa phương theo Biểu mẫu trên Sở Tài chính gửi kèm nội dung đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch vốn theo kỳ báo cáo (Số kết 06 tháng và tổng kết năm), trong đó nêu rõ những thuận lợi, khó khăn vướng mắc, nguyên nhân, giải pháp thực hiện và kiến nghị với các cơ quan của địa phương, Bộ, ngành Trung ương tháo gỡ những vướng mắc (nếu có) để đẩy nhanh việc thanh toán vốn đầu tư....

Biểu số 04-TC: Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2011/TT-BTC ngày 21 tháng 4 năm 2011.

Ngày nhận báo cáo: Trước 01 tháng 4 năm sau.

Đơn vị báo cáo: Bộ, ngành, Sở Tài chính

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Tài chính (Vụ Đầu tư, Vụ NSNN)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN HOÀN THÀNH TRONG NĂM
CỦA BỘ, NGÀNH, TỈNH, THÀNH PHỐ.....**

| STT | Nội dung | Số dự án | Lũy kế thanh toán từ khởi công đến năm báo cáo (Triệu đồng) | | Năng lực thiết kế và hoàn thành lũy kế đến năm báo cáo |
|-----------|---------------------------------------|----------|---|-----------------------------------|--|
| | | | Tổng số | Trong đó thanh toán trong năm.... | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| A | Nguồn vốn XDCB tập trung. | | | | |
| I | Dự án bố trí kế hoạch năm.... | | | | |
| 1 | Dự án khởi công mới | | | | |
| 2 | Dự án chuyển tiếp | | | | |
| II | Dự án hoàn thành: | | | | |
| 1 | Dự án nhóm A | | | | |
| | - Dự án giao thông. + Dự án.... | | | | |
| | - Dự án Thủy lợi. + Dự án.... | | | | |
| | - Dự án Y tế.... + Dự án.... | | | | |
| | - Dự án Giáo dục. + Dự án.... | | | | |
| | - Dự án khác... | | | | |
| 2 | Dự án nhóm B, C | | | | |
| | - Dự án giao thông.... | | | | |
| | - Dự án Thủy lợi... | | | | |
| | - Dự án Y tế.... | | | | |
| | - Dự án Giáo dục... | | | | |
| | - Dự án khác... | | | | |
| B | Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ | | | | |
| I | Dự án bố trí kế hoạch năm.... | | | | |
| 1 | Dự án khởi công mới | | | | |
| 2 | Dự án chuyển tiếp | | | | |
| II | Dự án hoàn thành: | | | | |
| 1 | Dự án nhóm A | | | | |

| | | | | | |
|----------|-------------------------------------|--|--|--|--|
| | - Dự án giao thông. + Dự án..... | | | | |
| | - Dự án Thủy lợi. + Dự án..... | | | | |
| | - Dự án Y tế.... + Dự án..... | | | | |
| | - Dự án Giáo dục. + Dự án..... | | | | |
| | - Dự án khác... | | | | |
| 2 | Dự án nhóm B, C | | | | |
| | - Dự án giao thông.... | | | | |
| | - Dự án Thủy lợi... | | | | |
| | - Dự án Y tế.... | | | | |
| | - Dự án Giáo dục... | | | | |
| | - Dự án khác... | | | | |

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Cơ quan tổng hợp báo cáo theo các tiêu chí từ cột 1 đến cột 6: Sở Tài chính báo cáo Bộ Tài chính đối với dự án thuộc địa phương quản lý; Cơ quan tài chính thuộc Bộ, ngành báo cáo Bộ Tài chính đối với dự án thuộc Bộ, ngành quản lý.

(2) Năng lực thiết kế: căn cứ theo chỉ tiêu của từng loại dự án theo ngành cụ thể như: Km đường, số phòng học (m2 xây dựng), số giường bệnh (m2 xây dựng)...

(3) Ngoài việc báo kết quả thực hiện các dự án trong năm theo Biểu mẫu: Các Bộ, ngành và địa phương gửi kèm nội dung báo cáo đánh giá về hiệu quả đầu tư mang lại từ việc bố trí các nguồn vốn từ ngân sách nhà nước; Đồng thời nêu rõ những khó khăn vướng mắc, nguyên nhân, giải pháp thực hiện và kiến nghị với các cơ quan của địa phương, Bộ, ngành Trung ương tháo gỡ những vướng mắc (nếu có) để đẩy nhanh việc hoàn thành dự án đầu tư.

Biểu số 05-TC: Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2011/TT-BTC ngày 21 tháng 4 năm 2011.

Ngày nhận báo cáo: Trước 01 tháng 4 năm sau.

Đơn vị báo cáo: Bộ ngành, Sở Tài chính.

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Tài chính (Vụ Đầu tư, Vụ NSNN).

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH NỢ VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN CÁC DỰ ÁN HOÀN THÀNH ĐẾN NĂM.....
CỦA BỘ, NGÀNH, TỈNH, THÀNH PHỐ.....**

Đơn vị: Triệu đồng

| STT | Mã dự án | Nội dung | Dự án nhóm (A,B,C) | Thời gian KC-HT | Tổng mức đầu tư | Giá trị quyết toán | | Vốn đầu tư đã thanh toán đến năm báo cáo | | | Vốn đầu tư còn nợ |
|-----|----------|---------------------|--------------------|-----------------|-----------------|--------------------|---|--|----------|------------|-------------------|
| | | | | | | Đã có QĐ phê duyệt | Chưa có QĐ phê duyệt (Chủ đầu tư đề nghị) | Tổng số | Vốn NSNN | Nguồn khác | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| I | | Dự án do TW quản lý | | | | | | | | | |
| | | Tổng số: | | | | | | | | | |
| | | Dự án | | | | | | | | | |
| II | | Dự án do ĐP quản lý | | | | | | | | | |
| | | Tổng số (1+2+3): | | | | | | | | | |
| 1 | | Tỉnh quản lý | | | | | | | | | |
| | | Dự án | | | | | | | | | |
| 2 | | Huyện quản lý | | | | | | | | | |
| | | Dự án | | | | | | | | | |
| 3 | | Xã quản lý | | | | | | | | | |

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Cơ quan tổng hợp báo cáo theo các tiêu chí từ cột 1 đến cột 12:

- **Đối với các dự án do Địa phương quản lý:** Sở Tài chính báo cáo Bộ Tài chính tình hình nợ vốn đầu tư xây dựng cơ bản của các dự án đã được phê duyệt quyết toán hoàn thành và dự án hoàn thành chủ đầu tư đề nghị quyết toán nhưng chưa phê duyệt quyết toán hoàn thành. Đối với các dự án thuộc xã quản lý chỉ ghi tổng số dự án (không ghi chi tiết đến dự án).

- **Đối với các dự án do Trung ương quản lý:** Cơ quan tài chính thuộc Bộ, ngành báo cáo Bộ Tài chính tình hình nợ vốn đầu tư xây dựng cơ bản của các dự án đã được phê duyệt quyết toán hoàn thành và dự án hoàn thành chủ đầu tư đề nghị quyết toán nhưng chưa phê duyệt quyết toán hoàn thành.

(2) Mã dự án (cột 2): Là mã số được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho từng dự án theo quy định.

(3) Dự án nhóm A, B, C (Cột 4): Dự án thuộc nhóm nào ghi nhóm đó.

(4) Xác định số vốn đầu tư còn nợ (Cột 12):

- **Đối với các dự án đã có Quyết định phê duyệt quyết toán hoàn thành:** Số vốn đầu tư còn nợ = số vốn tính theo Quyết định phê duyệt quyết toán - số vốn đã thanh toán cho dự án (Cột 12 = Cột 7 - Cột 9).

- **Đối với các dự án chưa có Quyết định phê duyệt quyết toán hoàn thành:** Số vốn đầu tư còn nợ tạm tính = số vốn theo giá trị do chủ đầu tư đề nghị quyết toán - số vốn đã thanh toán cho dự án (Cột 12 = Cột 8 - Cột 9)

Biểu số 06 - KBT: Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2011/TT-BTC ngày 21 tháng 4 năm 2011.

Đơn vị báo cáo: Kho bạc Nhà nước tỉnh, TP

Đơn vị nhận báo cáo:

Ngày nhận báo cáo:

- Kho bạc Nhà nước.

- Hàng tháng, quý: Trước ngày 5 tháng sau.

- Sở Tài chính.

- Năm: 12 tháng trước ngày 10/01 năm sau; 13 tháng trước ngày 15/02 năm sau.

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH, THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ XDCB TẬP TRUNG NĂM.....
CỦA BỘ, NGÀNH, TỈNH, THÀNH PHỐ.....
(ĐỊNH KỲ HÀNG THÁNG, HÀNG QUÝ, HÀNG NĂM)**

Đơn vị: Triệu đồng

| STT | Mã dự án | Nội dung | Dự án nhóm (A,B,C) | Kế hoạch vốn đầu tư năm... | Lũy kế giá trị khối lượng Chủ đầu tư đề nghị thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo | Vốn đầu tư đã thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo | | |
|------------|----------|--------------------------------------|--------------------|----------------------------|---|--|-----------------|--------------------------------------|
| | | | | | | Tổng số | Trong đó gồm | |
| | | | | | | | Thanh toán KLHT | Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 |
| A | | Dự án do TW quản lý: | | | | | | |
| | | Tổng số: (I+II+III): | | | | | | |
| 1 | | Nguồn vốn XDCB tập trung: | | | | | | |
| | | Vốn trong nước | | | | | | |
| | | Vốn ngoài nước | | | | | | |
| 2 | | Nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu: | | | | | | |
| 3 | | Nguồn vốn khác (nếu có): | | | | | | |
| I | | Nguồn vốn XDCB tập trung: | | | | | | |
| | | Vốn trong nước | | | | | | |
| | | Vốn ngoài nước | | | | | | |
| 1 | | Bộ... | | | | | | |
| | | Vốn trong nước | | | | | | |
| | | Vốn ngoài nước | | | | | | |
| | | Dự án..... | | | | | | |
| | | Vốn trong nước | | | | | | |
| | | Vốn ngoài nước | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| 2 | | Bộ... | | | | | | |
| II | | Nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu: | | | | | | |
| 1 | | Bộ... | | | | | | |
| 1.1 | | Chương trình | | | | | | |

| | | | | | | | | |
|-----|--|---|--|--|--|--|--|--|
| | | Dự án... | | | | | | |
| 1.2 | | Chương trình.... | | | | | | |
| | | Dự án... | | | | | | |
| 2 | | Bộ... | | | | | | |
| III | | Nguồn vốn khác (nếu có): Tổng số (1+2+...): | | | | | | |
| 1 | | Bộ... | | | | | | |
| 1.1 | | Nguồn.... Dự án.... | | | | | | |
| 1.2 | | Nguồn.... Dự án.... | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| 2 | | Bộ..... | | | | | | |
| B | | Dự án do ĐP quản lý: | | | | | | |
| | | Tổng số (I+II+III): | | | | | | |
| 1 | | Nguồn vốn cân đối, vốn ngoài nước: - <i>Vốn trong cân đối NSNN.</i> - <i>Vốn ngoài nước (ODA).</i> | | | | | | |
| 2 | | Nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu: | | | | | | |
| 3 | | Nguồn vốn khác (nếu có): | | | | | | |
| I | | Nguồn vốn cân đối, vốn ngoài nước: Tổng số (1+2+3). | | | | | | |
| 1 | | Ngân sách tỉnh - <i>Vốn trong cân đối NSNN.</i> - <i>Vốn ngoài nước (nếu có)</i> | | | | | | |
| 1.1 | | Dự án..... - <i>Vốn trong cân đối NSNN.</i> - <i>Vốn ngoài nước (nếu có)</i> | | | | | | |
| 1.2 | | Dự án..... | | | | | | |
| 2 | | Ngân sách huyện - <i>Vốn trong cân đối NSNN.</i> - <i>Vốn ngoài nước (nếu có).</i> | | | | | | |
| 3 | | Ngân sách xã - <i>Vốn trong cân đối NSNN.</i> - <i>Vốn ngoài nước (nếu có).</i> | | | | | | |
| II | | Nguồn vốn hỗ trợ có mục | | | | | | |

| | | | | | | | |
|-----|---------------------------------|--|--|--|--|--|--|
| | tiêu: | | | | | | |
| | Tổng số (1+2+...) | | | | | | |
| 1 | Chương trình.... | | | | | | |
| | - Dự án.... | | | | | | |
| 2 | Chương trình Dự án... | | | | | | |
| III | Nguồn vốn khác (nếu có): | | | | | | |
| | Tổng số (1+2+..). | | | | | | |
| 1 | - Nguồn | | | | | | |
| 2 | - Nguồn | | | | | | |

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC KBNN
(Ký, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Mã dự án (cột 2): Là mã số được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho từng dự án theo quy định.

(2) Dự án nhóm A, B, C (Cột 4): Dự án thuộc nhóm nào ghi nhóm đó.

(3) Kế hoạch vốn đầu tư (Cột 5):

+ Đối với Dự án do Trung ương quản lý: Là chỉ tiêu kế hoạch của Bộ, ngành triển khai trên cơ sở kế hoạch vốn do Thủ tướng Chính phủ giao. **Kho bạc Nhà nước thông báo cho Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố để tổng hợp.**

+ Đối với dự án do địa phương quản lý: Là chỉ tiêu kế hoạch vốn địa phương thực hiện phân bổ cho các dự án đầu tư thuộc địa phương quản lý (bao gồm cả vốn bổ sung từ nguồn khác ngoài nguồn vốn cân đối ngân sách, nguồn vốn chương trình mục tiêu, nguồn vốn ngoài nước).

(4) Lưu kế giá trị khối lượng Chủ đầu tư đề nghị thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo (Cột 6): Căn cứ giấy đề nghị thanh toán của Chủ đầu tư đề nghị thanh toán các lần trong năm kế hoạch để tổng hợp, báo cáo.

(5) Vốn hỗ trợ có mục tiêu: Là nguồn vốn do Ngân sách cấp trên hỗ trợ cho ngân sách cấp dưới để thực hiện các dự án theo các chương trình như: chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình 135, dự án 5 triệu ha rừng, chương trình quản lý biên giới, thực hiện Nghị quyết số 37, 39, 54, Quyết định 168, 173; chương trình biển đông hải đảo; các chương trình có mục tiêu khác, vốn ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ mục tiêu cho ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã....

(6) Nguồn vốn khác (nếu có): Bao gồm các nguồn vốn bổ sung ngoài nguồn vốn cân đối ngân sách nhà nước, nguồn vốn CTMT và nguồn vốn ngoài nước.

(7) Hàng quý (lưu kế thanh toán theo thời gian 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, 12 tháng) và 13 tháng: Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố tổng hợp số vốn thanh toán chi tiết cho từng dự án theo từng nguồn vốn. Hàng tháng chỉ báo cáo tổng số theo từng nguồn vốn của từng cấp ngân sách.

u

Biểu số 07 - KBT: Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2011/TT-BTC ngày 21 tháng 4 năm 2011.

Ngày nhận báo cáo:

- Hàng tháng, quý: Trước ngày 5 tháng sau.
- Năm: 12 tháng trước ngày 10/01 năm sau; 13 tháng trước ngày 15/02 năm sau.

Đơn vị báo cáo: Kho bạc nhà nước tỉnh, TP
Đơn vị nhận báo cáo:

- Kho bạc Nhà nước.
- Sở Tài chính.

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH, THANH TOÁN VỐN TPCP NĂM
CỦA BỘ, NGÀNH, TỈNH, THÀNH PHỐ
(ĐỊNH KỲ HÀNG THÁNG, HÀNG QUÝ, HÀNG NĂM)**

Đơn vị: Triệu đồng

| STT | Mã dự án | Nội dung | Dự án nhóm (A,B,C) | Tổng mức đầu tư | | Kế hoạch vốn TPCP năm..... | Lũy kế giá trị khối lượng Chủ đầu tư đề nghị thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo | Vốn TPCP đã thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo | | Lũy kế vốn TPCP thanh toán từ KC đến kỳ báo cáo | | |
|----------|---|---------------------|--------------------|-----------------|--------------------|----------------------------|---|--|-----------------|---|--------------------------------------|--|
| | | | | Tổng số | Trong đó: Vốn TPCP | | | Tổng số | Trong đó gồm | | | |
| | | | | | | | | | Thanh toán KLHT | | Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | |
| A | Vốn TPCP bố trí trong Kế hoạch năm.... | | | | | | | | | | | |
| I | | Dự án do TW quản lý | | | | | | | | | | |
| | | Tổng số: | | | | | | | | | | |
| | | - Giao thông. | | | | | | | | | | |
| | | - Thủy lợi. | | | | | | | | | | |
| | | - Y tế. | | | | | | | | | | |
| | | - Giáo dục | | | | | | | | | | |
| | | - Đào tạo | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| 1 | | Bộ..... | | | | | | | | | | |
| | | Ngành..... | | | | | | | | | | |
| | | Dự án..... | | | | | | | | | | |
| 2 | | Bộ.... | | | | | | | | | | |
| | | Ngành..... | | | | | | | | | | |
| | | Dự án..... | | | | | | | | | | |
| 3 | | Bộ.... | | | | | | | | | | |
| II | | Dự án do ĐP quản lý | | | | | | | | | | |
| | | Tổng số: | | | | | | | | | | |
| | | - Giao thông. | | | | | | | | | | |
| | | - Thủy lợi. | | | | | | | | | | |
| | | - Y tế. | | | | | | | | | | |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|----------|--|---|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | - Giáo dục - Đào tạo | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | | Dự án giao thông Dự án..... | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | | Dự án Thủy lợi Dự án..... | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 3 | | Dự án Y tế (Bệnh viện tuyến tỉnh, huyện, phòng khám đa khoa khu vực) Dự án..... | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 4 | | Dự án Giáo dục (Kiên cố hoá trường lớp học, nhà công vụ) Dự án..... | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 5 | | Dự án Đào tạo (Nhà ở Sinh viên) Dự án..... | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| B | Vốn TPCP kéo dài năm trước chuyển sang (nếu có) | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| I | | Dự án do TW quản lý | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | Tổng số: - Giao thông. - Thủy lợi. - Y tế. - Giáo dục - Đào tạo | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | | Bộ..... Ngành..... Dự án..... | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | | Bộ.... Ngành..... Dự án..... | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 3 | | Bộ.... | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| II | | Dự án do ĐP quản lý | | | | | | | | | | | | | | | | | |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|----------|---|---|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | Tổng số: - <i>Giao thông.</i> - <i>Thuỷ lợi.</i> - <i>Y tế.</i> - <i>Giáo dục</i> - <i>Đào tạo</i> | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | | Dự án giao thông Dự án..... | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | | Dự án Thuỷ lợi Dự án..... | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 3 | | Dự án Y tế (Bệnh viện tuyến tỉnh, huyện, phòng khám đa khoa khu vực) Dự án..... | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 4 | | Dự án Giáo dục (Kiên cố hoá trường lớp học, nhà công vụ) Dự án..... | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 5 | | Dự án Đào tạo (Nhà ở Sinh viên) Dự án..... | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| C | Vốn TPCP ứng trước kế hoạch năm sau (nếu có) | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| I | | Dự án do TW quản lý | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | Tổng số: - <i>Giao thông.</i> - <i>Thuỷ lợi.</i> - <i>Y tế.</i> - <i>Giáo dục</i> - <i>Đào tạo</i> | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | | Bộ..... Ngành..... Dự án..... | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | | Bộ..... Ngành..... Dự án..... | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

| | | | | | | | | | | |
|----|--|---|--|--|--|--|--|--|--|--|
| 3 | | Bộ.... | | | | | | | | |
| II | | Dự án do ĐP quản lý | | | | | | | | |
| | | Tổng số: - Giao thông. - Thủy lợi. - Y tế. - Giáo dục - Đào tạo | | | | | | | | |
| 1 | | Dự án giao thông | | | | | | | | |
| | | Dự án..... | | | | | | | | |
| 2 | | Dự án Thủy lợi | | | | | | | | |
| | | Dự án..... | | | | | | | | |
| 3 | | Dự án Y tế (Bệnh viện tuyến tỉnh, huyện, phòng khám đa khoa khu vực) | | | | | | | | |
| | | Dự án..... | | | | | | | | |
| 4 | | Dự án Giáo dục (Kiên cố hoá trường lớp học, nhà công vụ) | | | | | | | | |
| | | Dự án..... | | | | | | | | |
| 5 | | Dự án Đào tạo (Nhà ở Sinh viên) | | | | | | | | |
| | | Dự án..... | | | | | | | | |

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC KBNN
(Ký, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Mã dự án (cột 2): Là mã số được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho từng dự án theo quy định.

(2) Dự án nhóm A, B, C (Cột 4): Dự án thuộc nhóm nào ghi nhóm đó.

(3) Kế hoạch vốn đầu tư (Cột 7):

a- Kế hoạch vốn TPCP được Thủ tướng Chính phủ giao trong năm kế hoạch:

+ Đối với Dự án do Trung ương quản lý: Là chỉ tiêu kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ do Thủ tướng Chính phủ giao cho Bộ, ngành phân bổ cho các dự án thuộc danh mục sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. **Kho bạc Nhà nước thông báo cho Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố để tổng hợp.**

+ Đối với dự án do địa phương quản lý: Là chỉ tiêu kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ do Thủ tướng Chính phủ giao cho địa phương phân bổ cho các dự án thuộc danh mục sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

W

b- Kế hoạch vốn TPCP năm trước được phép kéo dài thanh toán sang năm sau (nếu có): Là số vốn còn lại của kế hoạch năm trước chưa thanh toán hết được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thanh toán sang năm sau (năm kế hoạch).

c- Kế hoạch vốn TPCP ứng trước năm sau (nếu có): Là số vốn phát sinh trong năm kế hoạch được cấp có thẩm quyền cho ứng trước vốn kế hoạch năm sau để thực hiện trong năm kế hoạch.

(4) Luỹ kế giá trị khối lượng Chủ đầu tư đề nghị thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo (Cột 8): Căn cứ giấy đề nghị thanh toán của Chủ đầu tư đề nghị thanh toán các lần trong năm kế hoạch để tổng hợp, báo cáo.

(5) Luỹ kế vốn TPCP thanh toán từ KC đến kỳ báo cáo (Cột 12): Là số vốn đã bố trí cho từng dự án từ khi khởi công đến thời điểm đơn vị báo cáo thanh toán vốn theo quy định.

(6) Hàng quý (luỹ kế thanh toán theo thời gian 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, 12 tháng) và 13 tháng: Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố tổng hợp số vốn thanh toán chi tiết cho từng dự án theo ngành, lĩnh vực. Hàng tháng chỉ báo cáo tổng số vốn theo ngành, lĩnh vực của từng Bộ, ngành, địa phương.

u

Biểu số 08 - KBT: Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2011/TT-BTC ngày 21 tháng 4 năm 2011.

Đơn vị báo cáo: Kho bạc Nhà nước tỉnh, TP

Đơn vị nhận báo cáo:

Ngày nhận báo cáo:

- Hàng tháng, quý: Trước ngày 5 tháng sau.
- Năm: 12 tháng trước ngày 10/01 năm sau; 13 tháng trước ngày 15/02 năm sau.

- Kho bạc Nhà nước.

- Sở Tài chính.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ XDCB TẬP TRUNG THUỘC KẾ HOẠCH NĂM TRƯỚC ĐƯỢC PHÉP KÉO DÀI SANG NĂM..... CỦA BỘ, NGÀNH, TỈNH, THÀNH PHỐ..... (ĐỊNH KỲ HÀNG THÁNG, HÀNG QUÝ, HÀNG NĂM)

Đơn vị: Triệu đồng

| STT | Mã dự án | Nội dung | Dự án nhóm (A,B,C) | Kế hoạch vốn năm trước chuyển sang năm..... | Lũy kế giá trị khối lượng Chủ đầu tư đề nghị thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo | Vốn đầu tư đã thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo | | |
|----------|----------|--|--------------------|---|---|--|-----------------|--------------------------------------|
| | | | | | | Tổng số | Trong đó gồm | |
| | | | | | | | Thanh toán KLHT | Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 |
| | | Tổng số: (A+B): Vốn trong nước Vốn ngoài nước | | | | | | |
| A | | Dự án do TW quản lý: | | | | | | |
| 1 | | Nguồn vốn XDCB tập trung. | | | | | | |
| | | Tổng số: Vốn trong nước Vốn ngoài nước | | | | | | |
| 1.1 | | Bộ... Vốn trong nước Vốn ngoài nước | | | | | | |
| | | Dự án..... Vốn trong nước Vốn ngoài nước | | | | | | |
| 1.2 | | Bộ... | | | | | | |
| 2 | | Nguồn vốn vốn hỗ trợ có mục tiêu. | | | | | | |
| | | Bộ.... | | | | | | |
| | | Dự án.... | | | | | | |
| B | | Dự án do ĐP quản lý: | | | | | | |
| 1 | | Nguồn vốn XDCB tập | | | | | | |

| | | | | | | | | |
|--|----------|---|--|--|--|--|--|--|
| | | trung. | | | | | | |
| | | Tổng số: Vốn trong nước Vốn ngoài nước | | | | | | |
| | | Dự án..... Vốn trong nước Vốn ngoài nước | | | | | | |
| | | Dự án..... Vốn trong nước Vốn ngoài nước | | | | | | |
| | 2 | Nguồn vốn vốn hỗ trợ có mục tiêu. | | | | | | |
| | | Chương trình.... | | | | | | |

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC KBNN
(Ký, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Mã dự án (cột 2): Là mã số được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho từng dự án theo quy định.
- (2) Dự án nhóm A, B, C (Cột 4): Dự án thuộc nhóm nào ghi nhóm đó.
- (3) Kế hoạch vốn đầu tư năm trước chuyển sang năm ... (Cột 5): Là số vốn còn lại của kế hoạch năm trước chưa thanh toán hết được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thanh toán sang năm sau.
- (4) Luỹ kế giá trị khối lượng Chủ đầu tư đề nghị thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo (Cột 6): Căn cứ giấy đề nghị thanh toán của Chủ đầu tư đề nghị thanh toán các lần trong năm kế hoạch để tổng hợp, báo cáo.
- (5) Hàng quý (luỹ kế thanh toán theo thời gian 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, 12 tháng) và 13 tháng: Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố tổng hợp số vốn thanh toán chi tiết cho từng dự án. Hàng tháng chỉ báo cáo tổng số vốn đã thanh toán theo Bộ, ngành, địa phương.

u

Biểu số 09 - KBT: Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2011/TT-BTC ngày 21 tháng 4 năm 2011.

Đơn vị báo cáo: Kho bạc Nhà nước tỉnh, TP

Ngày nhận báo cáo:

Đơn vị nhận báo cáo:

- Hàng tháng, quý: Trước ngày 5 tháng sau.
- Năm: 12 tháng trước ngày 10/01 năm sau; 13 tháng trước ngày 15/02 năm sau.

- Kho bạc Nhà nước.
- Sở Tài chính.

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ XDCB TẬP TRUNG ỨNG TRƯỚC
DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM SAU THỰC HIỆN TRONG NĂM
CỦA BỘ, NGÀNH, TỈNH, THÀNH PHỐ.....
(ĐỊNH KỲ HÀNG THÁNG, HÀNG QUÝ, HÀNG NĂM)**

Đơn vị: Triệu đồng

| STT | Mã dự án | Nội dung | Dự án nhóm (A,B,C) | Lũy kế vốn ứng trước chưa thu hồi đến trước năm kế hoạch | Kế hoạch vốn ứng trong năm... | Lũy kế giá trị khối lượng Chủ đầu tư đề nghị thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo | Vốn đã thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo | | | |
|----------|----------|-----------------------------|--------------------|--|-------------------------------|---|---|-----------------|--------------------------------------|--|
| | | | | | | | Tổng số | Trong đó gồm | | |
| | | | | | | | | Thanh toán KLHT | Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | |
| | | Tổng số: (A+B): | | | | | | | | |
| A | | Dự án do TW quản lý: | | | | | | | | |
| | | Tổng số: | | | | | | | | |
| 1 | | Bộ... | | | | | | | | |
| | | Dự án..... | | | | | | | | |
| 2 | | Bộ... | | | | | | | | |
| | | Dự án..... | | | | | | | | |
| 3 | | Bộ... | | | | | | | | |
| B | | Dự án do ĐP quản lý: | | | | | | | | |
| | | Tổng số: | | | | | | | | |
| | | Dự án..... | | | | | | | | |
| | | Dự án..... | | | | | | | | |

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC KBNN
(Ký, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Mã dự án (cột 2): Là mã số được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho từng dự án theo quy định.
- (2) Dự án nhóm A, B, C (Cột 4): Dự án thuộc nhóm nào ghi nhóm đó.
- (3) Lũy kế vốn ứng trước chưa thu hồi (Cột 5): Là số lũy kế vốn tạm ứng chưa thu hồi từ các năm trước đến 31 tháng 12 của năm trước năm kế hoạch.
- (4) Kế hoạch vốn ứng (Cột 6): Là số vốn phát sinh trong năm kế hoạch được cấp có thẩm quyền cho ứng trước vốn kế hoạch năm sau để thực hiện trong năm kế hoạch.

(5) **Luỹ kế giá trị khối lượng Chủ đầu tư đề nghị thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo (Cột 7):** Căn cứ giấy đề nghị thanh toán của Chủ đầu tư đề nghị thanh toán các lần trong năm kế hoạch để tổng hợp, báo cáo.

(6) **Hàng quý (luỹ kế thanh toán theo thời gian 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, 12 tháng) và 13 tháng:** Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố tổng hợp số vốn thanh toán chi tiết cho từng dự án. Hàng tháng chỉ báo cáo tổng số vốn đã thanh toán theo Bộ, ngành, địa phương.

u

Biểu số 10 - KBT: Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2011/TT-BTC ngày 21 tháng 4 năm 2011.

Đơn vị báo cáo: Kho bạc Nhà nước tỉnh, TP

Ngày nhận báo cáo:

- Hàng tháng, quý: Trước ngày 5 tháng sau.
- Năm: 12 tháng trước ngày 10/01 năm sau; 13 tháng trước ngày 15/02 năm sau.

Đơn vị nhận báo cáo:

- Kho bạc Nhà nước,
- Sở Tài chính.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH, THANH TOÁN VỐN HUY ĐỘNG THEO KHOẢN 3 ĐIỀU 8 LUẬT NSNN, VỐN TẠM ỨNG TỒN NGÂN KBNN NĂM 20..... CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG..... (ĐỊNH KỶ HÀNG THÁNG, HÀNG QUÝ, HÀNG NĂM)

Đơn vị: Triệu đồng

| STT | Mã dự án | Nội dung | Dự án nhóm (A,B,C) | Kế hoạch vốn đầu tư năm ... | Luỹ kế giá trị khối lượng Chủ đầu tư đề nghị thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo | Vốn đã thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo | | |
|-----------|--|-----------------------------|--------------------|-----------------------------|---|---|-----------------|--------------------------------------|
| | | | | | | Tổng số | Trong đó gồm | |
| | | | | | | | Thanh toán KLHT | Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 |
| I | Vốn huy động theo khoản 3 Điều 8 Luật NSNN (không bao gồm vốn vay tồn ngân KBNN): | | | | | | | |
| | | Tổng số: | | | | | | |
| 1 | | Dự án... | | | | | | |
| 2 | | Dự án..... | | | | | | |
| II | Vốn tạm ứng tồn ngân KBNN cho đầu tư XD CB (nếu có): | | | | | | | |
| | | Tổng số (1+2) | | | | | | |
| 1 | | Dự án do TW quản lý. | | | | | | |
| | | Tổng số: | | | | | | |
| 1.1 | | Bộ..... | | | | | | |
| | | Dự án..... | | | | | | |
| 1.2 | | Bộ.... | | | | | | |
| 2 | | Dự án do ĐP quản lý. | | | | | | |
| | | Tổng số: | | | | | | |
| | | Dự án..... | | | | | | |

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC KBNN
(Ký, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Mã dự án (cột 2): Là mã số được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho từng dự án theo quy định.
- (2) Dự án nhóm A, B, C (Cột 4): Dự án thuộc nhóm nào ghi nhóm đó.
- (3) Kế hoạch vốn đầu tư (Cột 5):

u

+ **Vốn huy động theo khoản 3 Điều 8 Luật NSNN**: Là số vốn phát sinh trong năm kế hoạch do địa phương huy động theo khoản 3 Điều 8 của Luật Ngân sách Nhà nước để thực hiện trong năm kế hoạch (**không bao gồm vốn vay tồn ngân KBNN**).

+ **Vốn tạm ứng tồn ngân KBNN cho đầu tư XD CB**: Là số vốn phát sinh trong năm kế hoạch do Bộ, ngành và địa phương tạm ứng từ nguồn vốn tồn ngân KBNN theo quy định để thực hiện trong năm kế hoạch.

(4) **Luỹ kế giá trị khối lượng Chủ đầu tư đề nghị thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo (Cột 6)**: Căn cứ giấy đề nghị thanh toán của Chủ đầu tư đề nghị thanh toán các lần trong năm kế hoạch để tổng hợp, báo cáo.

(5) **Hàng quý (luỹ kế thanh toán theo thời gian 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, 12 tháng) và 13 tháng**: Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố tổng hợp số vốn thanh toán chi tiết cho từng dự án theo từng nguồn vốn. Hàng tháng chỉ báo cáo tổng số vốn đã thanh toán theo từng nguồn vốn của Bộ, ngành, địa phương. ✓

Biểu số 11 - KBT: Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2011/TT-BTC ngày 21 tháng 4 năm 2011.

Ngày nhận báo cáo: Trước ngày 20 hàng tháng.

Đơn vị báo cáo: Kho bạc Nhà nước tỉnh, TP

Đơn vị nhận báo cáo:

- Kho bạc Nhà nước.

- Sở Tài chính.

**BÁO CÁO NHANH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH, THANH TOÁN
CÁC NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN THÁNG.....
CỦA BỘ, NGÀNH, TỈNH, THÀNH PHỐ.....**

Đơn vị: Triệu đồng

| STT | Nội dung | Kế hoạch vốn đầu tư năm.... | Lũy kế vốn đã thanh toán từ đầu năm đến tháng báo cáo | | Tỷ lệ (%) |
|-------------------------|--|-----------------------------|---|---------------------------------|-----------|
| | | | Tổng số | Trong đó thanh toán trong tháng | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6=(4/3) |
| TỔNG SỐ (I+II+): | | | | | |
| I | Nguồn vốn đầu tư XDCB thuộc kế hoạch năm: | | | | |
| Tổng số: | | | | | |
| | Nguồn vốn XDCB tập trung: - Vốn trong nước. - Vốn ngoài nước. | | | | |
| | Nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu: | | | | |
| | Nguồn vốn khác (nếu có): | | | | |
| 1 | Dự án do Trung ương quản lý. - Nguồn vốn XDCB tập trung. + Vốn trong nước. + Vốn ngoài nước. - Nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu: - Nguồn vốn khác (nếu có): | | | | |
| 2 | Dự án do Địa phương quản lý. - Nguồn vốn cân đối, vốn ngoài nước: + Vốn trong cân đối NSNN. + Vốn ngoài nước (ODA). - Nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu: - Nguồn vốn khác (nếu có): | | | | |
| II | Nguồn vốn còn lại gồm: vốn ứng trước, vốn kéo dài, vốn vay, vốn tạm ứng tồn ngân KBNN... (nếu có) | | | | |
| 1 | Dự án do Trung ương quản lý. | | | | |
| 2 | Dự án do Địa phương quản lý. | | | | |

| | | | | | |
|-----|---|--|--|--|--|
| III | Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ. - Giao thông. - Thủy lợi. - Y tế. - Giáo dục. - Đào tạo..... | | | | |
| 1 | Dự án do Trung ương quản lý: - Giao thông. - Thủy lợi. - Dự án Y tế (Bệnh viện tuyến tỉnh, huyện, phòng khám đa khoa khu vực..) - Dự án Giáo dục (kiên cố hoá trường lớp học và nhà công vụ) - Dự án Đào tạo (nhà ở Sinh viên)... | | | | |
| 2 | Dự án do Địa phương quản lý: - Giao thông. - Thủy lợi. - Dự án Y tế (Bệnh viện tuyến tỉnh, huyện, phòng khám đa khoa khu vực..) - Dự án Giáo dục (kiên cố hoá trường lớp học và nhà công vụ) - Dự án Đào tạo (nhà ở Sinh viên).... | | | | |

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC KBNN
(Ký, đóng dấu)

Ghi chú: Hàng tháng trước khi có số liệu báo cáo chính thức, Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố thực hiện báo nhanh (ước tính hình thành toán vốn đầu tư trong tháng) của các dự án do địa phương quản lý và các dự án của trung ương thực hiện trên địa bàn gửi Kho bạc Nhà nước, Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo phục vụ công tác điều hành vốn theo quy định.

u

Biểu số 12-KBNN: Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2011/TT-BTC ngày 21 tháng 4 năm 2011.

Đơn vị báo cáo: Kho bạc Nhà nước

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Tài chính (Vụ Đầu tư, Vụ NSNN)

Ngày nhận báo cáo:

- Hàng tháng, quý: Trước ngày 15 tháng sau.

- Năm: 12 tháng trước ngày 20/01 năm sau; 13 tháng trước ngày 25/02 năm sau.

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH, THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ XDCB TẬP TRUNG
NĂM..... CỦA BỘ, NGÀNH, TỈNH, THÀNH PHỐ
(ĐỊNH KỲ HÀNG THÁNG, HÀNG QUÝ, HÀNG NĂM)**

Đơn vị: Triệu đồng

| STT | Mã dự án | Nội dung | Dự án nhóm (A,B,C) | Kế hoạch vốn đầu tư năm... | Lũy kế giá trị khối lượng Chủ đầu tư đề nghị thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo | Vốn đầu tư đã thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo | | |
|------------|----------|--------------------------------------|--------------------|----------------------------|---|--|-----------------|--------------------------------------|
| | | | | | | Tổng số | Trong đó gồm | |
| | | | | | | | Thanh toán KLHT | Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 |
| A | | Dự án do TW quản lý: | | | | | | |
| | | Tổng số: (I+II+III): | | | | | | |
| | | Nguồn vốn XDCB tập trung: | | | | | | |
| | | Vốn trong nước | | | | | | |
| | | Vốn ngoài nước | | | | | | |
| | | Nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu: | | | | | | |
| | | Nguồn vốn khác (nếu có): | | | | | | |
| I | | Nguồn vốn XDCB tập trung | | | | | | |
| | | Vốn trong nước | | | | | | |
| | | Vốn ngoài nước | | | | | | |
| 1 | | Bộ... | | | | | | |
| | | Vốn trong nước | | | | | | |
| | | Vốn ngoài nước | | | | | | |
| | | Dự án..... | | | | | | |
| | | Vốn trong nước | | | | | | |
| | | Vốn ngoài nước | | | | | | |
| 2 | | Bộ... | | | | | | |
| II | | Nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu: | | | | | | |
| 1 | | Bộ... | | | | | | |
| 1.1 | | Chương trình.... | | | | | | |

| | | | | | | | | |
|-----|--|---|--|--|--|--|--|--|
| | | Dự án..... | | | | | | |
| 1.2 | | Chương trình | | | | | | |
| | | Dự án... | | | | | | |
| 2 | | Bộ... | | | | | | |
| III | | Nguồn vốn khác (nếu có): | | | | | | |
| 1 | | Bộ... | | | | | | |
| a | | Nguồn..... | | | | | | |
| | | Dự án..... | | | | | | |
| 2 | | Bộ..... | | | | | | |
| B | | Dự án do ĐP quản lý | | | | | | |
| | | Tổng số: | | | | | | |
| I | | Nguồn vốn cân đối, vốn ngoài nước: | | | | | | |
| | | - Vốn trong cân đối NSNN | | | | | | |
| | | - Vốn ngoài nước (ODA) | | | | | | |
| II | | Nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu: | | | | | | |
| III | | Nguồn vốn khác (nếu có): | | | | | | |
| 1 | | Tỉnh:..... | | | | | | |
| 1.1 | | Nguồn vốn cân đối, vốn ngoài nước: | | | | | | |
| a | | Ngân sách Tỉnh: | | | | | | |
| | | - Vốn trong cân đối NSNN. | | | | | | |
| | | - Vốn ngoài nước (ODA). | | | | | | |
| b | | Ngân sách huyện: | | | | | | |
| | | - Vốn trong cân đối NSNN | | | | | | |
| | | - Vốn ngoài nước (ODA) | | | | | | |
| c | | Ngân sách xã: | | | | | | |
| | | - Vốn trong cân đối NSNN | | | | | | |
| | | - Vốn ngoài nước (ODA) | | | | | | |
| 1.2 | | Nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu: | | | | | | |
| 1.3 | | Nguồn vốn khác (nếu có): | | | | | | |
| 2 | | Tỉnh:..... | | | | | | |
| | | | | | | | | |

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

TỔNG GIÁM ĐỐC KBNN
(Ký, đóng dấu)



Ghi chú:

(1) Mã dự án (cột 2): Là mã số được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho từng dự án theo quy định.

(2) Dự án nhóm A, B, C (Cột 4): Dự án thuộc nhóm nào ghi nhóm đó.

(3) Kế hoạch vốn đầu tư (Cột 5):

+ Đối với Dự án do Trung ương quản lý: Là chỉ tiêu kế hoạch của Bộ, ngành triển khai trên cơ sở kế hoạch vốn do Thủ tướng Chính phủ giao.

+ Đối với dự án do địa phương quản lý: Là chỉ tiêu kế hoạch vốn địa phương thực hiện phân bổ cho các dự án đầu tư thuộc địa phương quản lý (bao gồm cả vốn bổ sung từ nguồn khác ngoài nguồn vốn cân đối ngân sách, nguồn vốn chương trình mục tiêu, nguồn vốn ngoài nước).

(4) Lưu ý kế giá trị khối lượng Chủ đầu tư đề nghị thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo (Cột 6): Căn cứ giấy đề nghị thanh toán của Chủ đầu tư đề nghị thanh toán các lần trong năm kế hoạch để tổng hợp, báo cáo.

(5) Vốn hỗ trợ có mục tiêu: Là nguồn vốn do Ngân sách cấp trên hỗ trợ cho ngân sách cấp dưới để thực hiện các dự án theo các chương trình như: chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình 135, dự án 5 triệu ha rừng (nếu có), chương trình quản lý biên giới, thực hiện Nghị quyết số 37, 39, 54, Quyết định 168, 173; chương trình biển đông hải đảo; các chương trình có mục tiêu khác, vốn ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ mục tiêu cho ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã....

(6) Nguồn vốn khác (nếu có): Bao gồm các nguồn vốn bổ sung ngoài nguồn vốn cân đối ngân sách nhà nước, nguồn vốn CTMT và nguồn vốn ngoài nước.

(7) Hàng quý (lưu ý kế thanh toán theo thời gian 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, 12 tháng) và 13 tháng: Kho bạc Nhà nước tổng hợp số vốn thanh toán chi tiết cho từng dự án theo từng nguồn vốn của Bộ, ngành. Hàng tháng chỉ báo cáo tổng số theo từng nguồn vốn của các cấp ngân sách.

u

• **Biểu số 13 - KBNN:** Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2011/TT-BTC ngày 21 tháng 4 năm 2011.

Đơn vị báo cáo: Kho bạc Nhà nước

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Tài chính (Vụ Đầu tư, Vụ NSNN).

Ngày nhận báo cáo:

- Hàng tháng, quý: Trước ngày 15 tháng sau.
- Năm: 12 tháng trước ngày 20/01 năm sau; 13 tháng trước ngày 25/02 năm sau.

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH, THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ
DỰ ÁN NHÓM A, DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM QUỐC GIA) NĂM.....
CỦA BỘ, NGÀNH, TỈNH, THÀNH PHỐ.....
(ĐỊNH KỲ HÀNG THÁNG, HÀNG QUÝ, HÀNG NĂM)**

Đơn vị: Triệu đồng

| STT | Mã dự án | Nội dung | Kế hoạch vốn đầu tư năm... | Lũy kế giá trị khối lượng Chủ đầu tư đề nghị thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo | Vốn đầu tư đã thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo | | |
|------------|----------------------------------|---|----------------------------|---|--|-----------------|--------------------------------------|
| | | | | | Tổng số | Trong đó gồm | |
| | | | | | | Thanh toán KLHT | Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| A | Nguồn vốn XDCB tập trung: | | | | | | |
| I | | Dự án nhóm A: | | | | | |
| | | Tổng số (1+2): Vốn trong nước Vốn ngoài nước | | | | | |
| 1 | | Dự án do Trung ương quản lý | | | | | |
| | | Tổng số: Vốn trong nước Vốn ngoài nước | | | | | |
| 1.1 | | Bộ.... Vốn trong nước Vốn ngoài nước | | | | | |
| | | Dự án... Vốn trong nước Vốn ngoài nước | | | | | |
| | | Dự án... | | | | | |
| 1.2 | | Bộ.... | | | | | |
| 2 | | Dự án do Địa phương quản lý: | | | | | |
| | | Tổng số: Vốn trong nước Vốn ngoài nước | | | | | |
| 2.1 | | Tỉnh..... | | | | | |
| | | Dự án... Vốn trong nước | | | | | |

| | | | | | | | |
|-----|---------------------------------|--|--|--|--|--|--|
| | | Vốn ngoài nước | | | | | |
| | | Dự án... | | | | | |
| 2.2 | | Tỉnh... | | | | | |
| II | | Dự án trọng điểm Quốc gia (nếu có) | | | | | |
| | | Tổng số (1+2): Vốn trong nước Vốn ngoài nước | | | | | |
| 1 | | Dự án do Trung ương quản lý: | | | | | |
| | | Tổng số: Vốn trong nước Vốn ngoài nước | | | | | |
| 1.1 | | Bộ.... | | | | | |
| | | Dự án... Vốn trong nước Vốn ngoài nước | | | | | |
| | | Dự án... | | | | | |
| 1.2 | | Bộ.... | | | | | |
| 2 | | Dự án địa phương quản lý | | | | | |
| | | Tổng số: Vốn trong nước Vốn ngoài nước | | | | | |
| 2.1 | | Tỉnh..... | | | | | |
| | | Dự án... Vốn trong nước Vốn ngoài nước | | | | | |
| | | Dự án... | | | | | |
| 2.2 | | Tỉnh... | | | | | |
| B | Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ. | | | | | | |
| I | | Dự án nhóm A Tổng số (1+2) - <i>Giao thông.</i> - <i>Thuỷ lợi.</i> - <i>Y tế (Bệnh viện tuyến tỉnh, huyện, phòng khám đa khoa khu vực..):</i> - <i>Giáo dục (Kiên cố hoá trường lớp học và nhà công vụ):</i> - <i>Đào tạo (Nhà ở Sinh viên):</i> | | | | | |

| | | | | | | |
|-----|---|--|--|--|--|--|
| 1 | Dự án do TW quản lý | | | | | |
| | Tổng số: - <i>Giao thông.</i> - <i>Thuỷ lợi.</i> | | | | | |
| 1.1 | Bộ..... - Dự án Giao thông: + Dự án.... - Dự án Thuỷ lợi: + Dự án.... | | | | | |
| 1.2 | Bộ..... | | | | | |
| 2 | Dự án do Địa phương quản lý | | | | | |
| | Tổng số: - <i>Giao thông.</i> - <i>Thuỷ lợi.</i> | | | | | |
| 1.1 | Tỉnh..... - Dự án Giao thông: + Dự án.... - Dự án Thuỷ lợi: + Dự án.... | | | | | |
| 1.2 | Tỉnh.... | | | | | |
| II | Dự án trọng điểm Quốc gia (nếu có). Tổng số (1+2): - <i>Giao thông.</i> - <i>Thuỷ lợi.</i> - Y tế (Bệnh viện tuyến tỉnh, huyện, phòng khám đa khoa khu vực..): - <i>Giáo dục</i> (Kiên cố hoá trường lớp học và nhà công vụ): - <i>Đào tạo</i> (Nhà ở Sinh viên): | | | | | |
| 1 | Dự án do TW quản lý | | | | | |
| | Tổng số: - <i>Giao thông.</i> - <i>Thuỷ lợi.</i> | | | | | |

| | | | | | | | |
|-----|--|---|--|--|--|--|--|
| 1.1 | | Bộ..... | | | | | |
| | | - Dự án Giao thông: + Dự án.... | | | | | |
| | | - Dự án Thuỷ lợi: + Dự án.... | | | | | |
| 1.2 | | Bộ..... | | | | | |
| 2 | | Dự án do Địa phương quản lý. | | | | | |
| | | Tổng số: - Giao thông. - Thuỷ lợi. | | | | | |
| 2.1 | | Tỉnh..... | | | | | |
| | | - Dự án Giao thông: + Dự án.... | | | | | |
| | | - Dự án Thuỷ lợi: + Dự án.... | | | | | |
| 2.2 | | Tỉnh... | | | | | |

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

TỔNG GIÁM ĐỐC KBNN
(Ký, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Mã dự án (cột 2): Là mã số được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho từng dự án theo quy định.
- (2) Luỹ kế giá trị khối lượng Chủ đầu tư đề nghị thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo (Cột 5): Căn cứ giấy đề nghị thanh toán của Chủ đầu tư đề nghị thanh toán các lần trong năm kế hoạch để tổng hợp, báo cáo.
- (3) Hàng quý (luỹ kế thanh toán theo thời gian 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, 12 tháng) và 13 tháng: Kho bạc Nhà nước tổng hợp số vốn thanh toán chi tiết cho từng dự án theo ngành, lĩnh vực. Hàng tháng chỉ báo cáo tổng số dự án theo ngành, lĩnh vực của Bộ, ngành, địa phương.

Biểu số 14 - KBNN: Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2011/TT-BTC ngày 21 tháng 4 năm 2011.

Đơn vị báo cáo: Kho bạc Nhà nước

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Tài chính (Vụ Đầu tư, Vụ NSNN)

Ngày nhận báo cáo:

- Hàng tháng, quý: Trước ngày 15 tháng sau.

- Năm: 12 tháng trước ngày 20/01 năm sau; 13 tháng trước ngày 25/02 năm sau.

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH, THANH TOÁN VỐN TPCP NĂM
CỦA BỘ, NGÀNH, TỈNH, THÀNH PHỐ
(ĐỊNH KỶ HÀNG THÁNG, HÀNG QUÝ, HÀNG NĂM)**

Đơn vị: Triệu đồng

| STT | Mã dự án | Nội dung | Dự án nhóm (A,B,C) | Tổng mức đầu tư | | Kế hoạch vốn TPCP năm..... | Lũy kế giá trị khối lượng Chủ đầu tư đề nghị thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo | Vốn TPCP đã thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo | | | Lũy kế vốn TPCP thanh toán từ KC đến kỳ báo cáo | |
|-----------|---|---|--------------------|-----------------|--------------------|----------------------------|---|--|-----------------|--------------------------------------|---|--|
| | | | | Tổng số | Trong đó: Vốn TPCP | | | Tổng số | Trong đó gồm | | | |
| | | | | | | | | | Thanh toán KLHT | Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | |
| A | Vốn TPCP bố trí trong kế hoạch năm ... | | | | | | | | | | | |
| I | | Dự án do TW quản lý | | | | | | | | | | |
| | | Tổng số: - <i>Giao thông.</i> - <i>Thủy lợi.</i> - <i>Y tế.</i> - <i>Giáo dục</i> - <i>Đào tạo</i> | | | | | | | | | | |
| 1 | | Bộ.... | | | | | | | | | | |
| | | Ngành.... | | | | | | | | | | |
| | | Dự án..... | | | | | | | | | | |
| 2 | | Bộ.... | | | | | | | | | | |
| | | Ngành.... | | | | | | | | | | |
| | | Dự án..... | | | | | | | | | | |
| 3 | | Bộ.... | | | | | | | | | | |
| II | | Dự án ĐP quản lý | | | | | | | | | | |
| | | Tổng số: - <i>Giao thông.</i> - <i>Thủy lợi.</i> | | | | | | | | | | |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | - Y tế. - Giáo dục - Đào tạo | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | | Tỉnh..... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1.1 | | Dự án giao thông Dự án.... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1.2 | | Dự án Thủy lợi Dự án.... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1.3 | | Dự án Y tế (Bệnh viện tuyến tỉnh, huyện, phòng khám đa khoa khu vực..) Dự án.... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1.4 | | Dự án Giáo dục (khiên cố hoá trường lớp học và nhà công vụ) Dự án.... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1.5 | | Dự án Đào tạo (nhà ở Sinh viên) Dự án.... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | | Tỉnh..... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| B Vốn TPCP kéo dài năm trước chuyển sang (nếu có) | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| I | | Dự án do TW quản lý | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | Tổng số: - Giao thông. - Thủy lợi. - Y tế. - Giáo dục - Đào tạo | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | | Bộ..... Ngành.... Dự án.... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | | Bộ.... Ngành.... Dự án.... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 3 | | Bộ..... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

| | | | | | | | | | | | |
|-----|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| II | Dự án ĐP quản lý | | | | | | | | | | |
| | Tổng số: - <i>Giao thông.</i> - <i>Thuỷ lợi.</i> - <i>Y tế.</i> - <i>Giáo dục</i> - <i>Đào tạo</i> | | | | | | | | | | |
| 1 | Tỉnh..... | | | | | | | | | | |
| 1.1 | <i>Dự án giao thông</i> | | | | | | | | | | |
| | Dự án.... | | | | | | | | | | |
| 1.2 | <i>Dự án Thuỷ lợi</i> | | | | | | | | | | |
| | Dự án.... | | | | | | | | | | |
| 1.3 | <i>Dự án Y tế (Bệnh viện tuyến tỉnh, huyện, phòng khám đa khoa khu vực..)</i> | | | | | | | | | | |
| | Dự án.... | | | | | | | | | | |
| 1.4 | <i>Dự án Giáo dục (kiên cố hoá trường lớp học và nhà công vụ)</i> | | | | | | | | | | |
| | Dự án.... | | | | | | | | | | |
| 1.5 | <i>Dự án Đào tạo (nhà ở Sinh viên)</i> | | | | | | | | | | |
| | Dự án.... | | | | | | | | | | |
| 2 | Tỉnh..... | | | | | | | | | | |
| C | Vốn TPCP ứng trước kế hoạch năm sau (nếu có). | | | | | | | | | | |
| I | Dự án do TW quản lý | | | | | | | | | | |
| | Tổng số: - <i>Giao thông.</i> - <i>Thuỷ lợi.</i> - <i>Y tế.</i> - <i>Giáo dục</i> - <i>Đào tạo</i> | | | | | | | | | | |
| 1 | Bộ..... | | | | | | | | | | |
| | Ngành.... | | | | | | | | | | |
| | Dự án.... | | | | | | | | | | |
| 2 | Bộ.... | | | | | | | | | | |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|-----|--|---|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | Ngành.... | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | Dự án.... | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 3 | | BỘ.... | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| II | | Dự án ĐP quản lý | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | Tổng số: - Giao thông. - Thủy lợi. - Y tế. - Giáo dục - Đào tạo | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | | Tỉnh..... | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1.1 | | Dự án giao thông | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | Dự án.... | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1.2 | | Dự án Thủy lợi | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | Dự án.... | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1.3 | | Dự án Y tế (Bệnh viện tuyến tỉnh, huyện, phòng khám đa khoa khu vực..) Dự án.... | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1.4 | | Dự án Giáo dục (kiên cố hoá trường lớp học và nhà công vụ) Dự án.... | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1.5 | | Dự án Đào tạo (nhà ở Sinh viên) Dự án.... | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | | Tỉnh..... | | | | | | | | | | | | | | | | | |

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

TỔNG GIÁM ĐỐC KBNN
(Ký, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Mã dự án (cột 2): Là mã số được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho từng dự án theo quy định.
(2) Dự án nhóm A, B, C (Cột 4): Dự án thuộc nhóm nào ghi nhóm đó.
(3) Kế hoạch vốn đầu tư (Cột 7):

a- Kế hoạch vốn TPCP được Thủ tướng Chính phủ giao trong năm kế hoạch: Là chỉ tiêu kế hoạch vốn do Thủ tướng Chính phủ giao cho Bộ, ngành, địa phương phân bổ cho các dự án thuộc danh mục sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

b- Kế hoạch vốn TPCP năm trước được phép kéo dài thanh toán sang năm sau (nếu có): Là số vốn còn lại của kế hoạch năm trước chưa thanh toán hết được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thanh toán sang năm sau (năm kế hoạch).

c- **Kế hoạch vốn TPCP ứng trước năm sau (nếu có):** Là số vốn phát sinh trong năm kế hoạch được cấp có thẩm quyền cho ứng trước vốn kế hoạch năm sau để thực hiện trong năm kế hoạch.

(4) **Luỹ kế giá trị khối lượng Chủ đầu tư đề nghị thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo (Cột 8):** Căn cứ giấy đề nghị thanh toán của Chủ đầu tư đề nghị thanh toán các lần trong năm kế hoạch để tổng hợp, báo cáo .

(5) **Luỹ kế vốn TPCP thanh toán từ KC đến kỳ báo cáo (Cột 12):** Là số vốn đã bố trí cho từng dự án từ khi khởi công đến thời điểm đơn vị tổng hợp báo cáo theo quy định.

(6) **Hàng quý (luỹ kế thanh toán theo thời gian 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, 12 tháng) và 13 tháng:** Kho bạc Nhà nước tổng hợp số vốn thanh toán chi tiết cho từng dự án theo ngành, lĩnh vực. Hàng tháng chỉ báo cáo tổng số vốn theo ngành, lĩnh vực của từng Bộ, ngành, địa phương.

u

Biểu số 15 - KBNN: Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2011/TT-BTC ngày 21 tháng 4 năm 2011.

Đơn vị báo cáo: Kho bạc Nhà nước

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Tài chính (Vụ Đầu tư, Vụ NSNN)

Ngày nhận báo cáo:

- Hàng tháng, quý: Trước ngày 15 tháng sau.
- Năm: 12 tháng trước ngày 20/01 năm sau; 13 tháng trước ngày 25/02 năm sau.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HIỆN KẾ HOẠCH, THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ XDCB TẬP TRUNG NĂM TRƯỚC KÉO DÀI SANG NĂM SAU, VỐN ỨNG TRƯỚC DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM SAU, VỐN HUY ĐỘNG THEO KHOẢN 3 ĐIỀU 8 LUẬT NSNN, VỐN TẠM ỨNG TỒN NGÂN KBNN CHO ĐẦU TƯ XDCB (NẾU CÓ) NĂM CỦA BỘ, NGÀNH, TỈNH, THÀNH PHỐ..... (ĐỊNH KỲ HÀNG THÁNG, HÀNG QUÝ, HÀNG NĂM)

Đơn vị: Triệu đồng

| STT | Mã dự án | Nội dung | Dự án nhóm (A,B,C) | Lũy kế vốn ứng trước chưa thu hồi đến trước năm kế hoạch | Kế hoạch vốn đầu tư năm... | Lũy kế giá trị khối lượng Chủ đầu tư đề nghị thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo | Vốn đầu tư đã thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo | | |
|-----------|--|---|--------------------|--|----------------------------|---|--|-----------------|--------------------------------------|
| | | | | | | | Tổng số | Trong đó gồm | |
| | | | | | | | | Thanh toán KLHT | Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| A | Vốn kéo dài năm trước chuyển sang năm 20... | | | | | | | | |
| | | Tổng số: (I+II): Vốn trong nước Vốn ngoài nước | | | | | | | |
| I | | Dự án TW quản lý: | | | | | | | |
| | | Tổng số: Vốn trong nước Vốn ngoài nước | | | | | | | |
| 1 | | Bộ... Vốn trong nước Vốn ngoài nước | | | | | | | |
| | | Dự án..... Vốn trong nước Vốn ngoài nước | | | | | | | |
| 2 | | Bộ... | | | | | | | |
| II | | Dự án Địa phương quản lý: | | | | | | | |
| | | Tổng số: Vốn trong nước Vốn ngoài nước | | | | | | | |
| 1 | | Tỉnh.... Vốn trong nước | | | | | | | |

| | | | | | | | | | |
|----------|--|----------------------|--|--|--|--|--|--|--|
| | | Vốn ngoài nước | | | | | | | |
| 2 | | Tỉnh.... | | | | | | | |
| B | Vốn ứng trước dự toán ngân sách năm sau. | | | | | | | | |
| | | Tổng số: (I+II): | | | | | | | |
| I | | Dự án do TW quản lý: | | | | | | | |
| | | Tổng số: | | | | | | | |
| 1 | | Bộ... | | | | | | | |
| | | Dự án..... | | | | | | | |
| II | | Dự án do ĐP quản lý: | | | | | | | |
| | | Tổng số: | | | | | | | |
| 1 | | Tỉnh..... | | | | | | | |
| C | Vốn huy động theo khoản 3 Điều 8 Luật NSNN (không bao gồm vốn vay tồn ngân KBNN). | | | | | | | | |
| | | Tổng số: | | | | | | | |
| 1 | | Tỉnh... | | | | | | | |
| D | Vốn tạm ứng tồn ngân KBNN cho đầu tư XD CB (nếu có). | | | | | | | | |
| | | Tổng số (I+II) | | | | | | | |
| I | | Dự án do TW quản lý. | | | | | | | |
| | | Tổng số: | | | | | | | |
| 1 | | Bộ..... | | | | | | | |
| | | Dự án.... | | | | | | | |
| II | | Dự án do ĐP quản lý. | | | | | | | |
| | | Tổng số: | | | | | | | |
| 2 | | Tỉnh..... | | | | | | | |

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

TỔNG GIÁM ĐỐC KBNN
(Ký, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Mã dự án (cột 2): Là mã số được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho từng dự án theo quy định.
- (2) Dự án nhóm A, B, C (Cột 4): Dự án thuộc nhóm nào ghi nhóm đó.
- (3) Luỹ kế vốn ứng trước chưa thu hồi (Cột 5): Chỉ áp dụng cho báo cáo vốn ứng trước dự toán năm sau; Là số luỹ kế vốn tạm ứng chưa thu hồi từ các năm trước đến 31 tháng 12 của năm trước năm kế hoạch.
- (4) Luỹ kế giá trị khối lượng Chủ đầu tư đề nghị thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo (Cột 7): Căn cứ giấy đề nghị thanh toán của Chủ đầu tư đề nghị thanh toán các lần trong năm kế hoạch để tổng hợp, báo cáo.
- (5) Hàng quý (luỹ kế thanh toán theo thời gian 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, 12 tháng) và 13 tháng: Kho bạc Nhà nước tổng hợp số vốn thanh toán chi tiết cho từng dự án theo nguồn vốn của Bộ, ngành. Hàng tháng chỉ báo cáo tổng số vốn đã thanh toán theo nguồn vốn của Bộ, ngành, địa phương.

u

- **Biểu số 16 - KBNN:** Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2011/TT-BTC ngày 21 tháng 4 năm 2011.
- **Ngày nhận báo cáo:** Trước ngày 25 hàng tháng.

Đơn vị báo cáo: Kho bạc Nhà nước

Đơn vị nhận báo cáo:

- Bộ Tài chính (Vụ Đầu tư, Vụ NSNN).

**BÁO CÁO NHANH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH, THANH TOÁN
CÁC NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN THÁNG.....
CỦA BỘ, NGÀNH, TỈNH, THÀNH PHỐ.....**

Đơn vị: Triệu đồng

| STT | Nội dung | Kế hoạch vốn đầu tư năm... | Lũy kế vốn đã thanh toán từ đầu năm đến tháng báo cáo | | Tỷ lệ (%) |
|-----|--|----------------------------|---|---------------------------------|-----------|
| | | | Tổng số | Trong đó thanh toán trong tháng | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6=(4/3) |
| I | Nguồn vốn đầu tư XDCB kế hoạch năm. | | | | |
| | Tổng số: | | | | |
| | Nguồn vốn XDCB tập trung: - Vốn trong nước. - Vốn ngoài nước. | | | | |
| | Nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu: | | | | |
| | Nguồn vốn khác (nếu có): | | | | |
| 1 | Dự án do Trung ương quản lý. - Nguồn vốn XDCB tập trung. + Vốn trong nước. + Vốn ngoài nước. - Nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu: - Nguồn vốn khác (nếu có): | | | | |
| 2 | Dự án do Địa phương quản lý. - Nguồn vốn cân đối, vốn ngoài nước: + Vốn trong cân đối NSNN. + Vốn ngoài nước (ODA). - Nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu: - Nguồn vốn khác (nếu có): | | | | |
| II | Nguồn vốn còn lại gồm: vốn ứng trước, vốn kéo dài, vốn vay, vốn tạm ứng tồn ngân KBNN... (nếu có) | | | | |
| 1 | Dự án do Trung ương quản lý. | | | | |
| 2 | Dự án do Địa phương quản lý. | | | | |
| III | Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ. | | | | |
| | Tổng số - Giao thông. | | | | |

| | | | | | |
|---|---|--|--|--|--|
| | <ul style="list-style-type: none"> - Thủy lợi. - Y tế. - Giáo dục. - Đào tạo... | | | | |
| 1 | <p>Dự án do Trung ương quản lý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giao thông. - Thủy lợi. - Dự án Y tế (Bệnh viện tuyến tỉnh, huyện, phòng khám đa khoa khu vực..) - Dự án Giáo dục (kiên cố hoá trường lớp học và nhà công vụ) - Dự án Đào tạo (nhà ở Sinh viên)... | | | | |
| 2 | <p>Dự án do Địa phương quản lý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giao thông. - Thủy lợi. - Dự án Y tế (Bệnh viện tuyến tỉnh, huyện, phòng khám đa khoa khu vực..) - Dự án Giáo dục (kiên cố hoá trường lớp học và nhà công vụ) - Dự án Đào tạo (nhà ở Sinh viên).... | | | | |

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

TỔNG GIÁM ĐỐC KBNN
(Ký, đóng dấu)

Ghi chú: Căn cứ báo cáo nhanh tình hình thực hiện kế hoạch, thanh toán các nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố; Kho bạc Nhà nước tổng hợp gửi Bộ Tài chính (Vụ Đầu tư, Vụ NSNN) theo quy định.

